TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

NATEXCO

ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT MAY NAM ĐỊNH

Nam Định, Tháng 04 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Thay đổi các quyền

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý
Điều 33. Người điều hành Tổng công ty
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
IX. BAN KIỂM SOÁT
Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
Điều 45. Phân phối lợi nhuận
Điều 46. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ
XIV. CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY
Điều 47. Các đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết
Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị phụ thuộc
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty con
Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty liên kết
Điều 51. Việc đặt tên, sử dụng tên, nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty (NATEXCO); (DỆT MAY NAM ĐỊNH)
Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty con, Công ty liên kết
Điều 53. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty ở Công ty con, Công ty liên kết

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
Điều 54. Tài khoản ngân hàng
Điều 55. Năm tài chính
Điều 56. Chế độ kế toán
XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý
Điều 58. Báo cáo thường niên
XVII. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY
Điều 59. Kiểm toán
XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP
Điều 60. Dấu của doanh nghiệp
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY
Điều 61. Giải thể Tổng công ty
Điều 62. Gia hạn hoạt động
Điều 63. Thanh lý
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ
Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty
XXII. NGÀY HIỆU LỰC
Điều 66. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DMNĐ ngày 24/04/2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty CP Dệt May Nam Định.

Điều lệ này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa Điều lệ bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung được lập bằng tiếng Việt được áp dụng.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *"Tổng công ty"* là Tổng công ty Cổ phần Dệt may Nam Định;

b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Tổng công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

c) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

e) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

f) *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

g) *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

i) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm hoặc phê chuẩn làm cán bộ quản lý của Tổng công ty;

k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Tổng công ty;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

- Tên tiếng Anh: NAM DINH TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

- Tên viết tắt: NATEXCO

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: 43 Tô Hiệu, phường Ngô Quyền, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

- Điện thoại: 0228 3849749/ 3849342/3849586

- Fax: 0228 3849750

- Website: www.Natexco.com.vn

- Email: Natexco.nd@gmail.com

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 62 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty

Tổng công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi	1311 (Chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại	
2	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3	Hoàn thiện các sản phẩm dệt Chi tiết: In, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
5	Sản xuất hàng may mặc sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất quần áo các loại	1392
6	Sản xuất các hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất khăn bông, các sản phẩm dệt; may khác	1399
7	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Ống giấy, bao bì và các sản phẩm từ giấy, bìa	1702
8	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13	Bán buôn vải, hàng may mặc sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán vải các loại , các sản phẩm dệt may.	4641
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán xơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng mày móc thiết bị ngành sợi, dệt, may.	4669
15	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may.	4690
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân.	5510
20	Dịch vụ ăn uống Chi tiết: Dịch vụ cơm ca công nhân.	5629
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sỡ hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê Chi tiết: Dịch vụ cho thuê ki ốt, văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô	6810
22	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách	7710
23	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị ngành sợi, dệt, may và xây dựng	7730
24	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Dạy nghề: Sợi, dệt, nhuộm, may (ngắn hạn)	8532

STT	Tên ngành	Mã ngành
25	Hoạt động của phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Khám chữa bệnh cho công nhân viên của Công ty theo bảo hiểm xã hội	8620
26	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
27	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty:

a) Tổng công ty hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực phù hợp với Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định của pháp luật để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty;

b) Tổng công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Tổng công ty

a) Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và tuân thủ pháp luật;

b) Kinh doanh trung thực, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;

c) Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh với khách hàng;

d) Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông;

e) Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Tổng công ty;

f) Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Tổng công ty với nhân viên của Tổng công ty, giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để đảm bảo hoạt động của Tổng công ty phù hợp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật;

g) Điều hành hoạt động Tổng công ty là Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và bộ máy quản lý điều hành của Tổng công ty.

4. Quyền của Tổng công ty

a) Tự chủ kinh doanh; Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; Chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; Được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

b) Có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

c) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

d) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

e) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.

f) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

g) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

h) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

i) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

k) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

l) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Nghĩa vụ của Tổng công ty

a) Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

b) Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

c) Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

d) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.

e) Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

f) Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; Định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

g) Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Tổng công ty

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam và các quy định của các tổ chức đó nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

c) Tổng công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Tổng công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Tổng công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 156.399.760.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 15.639.976 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn khi thành lập:

- Tỷ lệ cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam: 53,67% vốn Điều lệ.

- Tỷ lệ cổ phần bán giảm giá cho người lao động trong Tổng công ty: 26,98% vốn Điều lệ.

- Tỷ lệ cổ phần bán ra ngoài Tổng công ty: 19,35% vốn Điều lệ.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở

hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty được lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và được VSDC duy trì và cập nhật các thông tin của cổ đông có cổ phần được đăng ký với VSDC.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty (theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp) bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát.

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần

và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty;

d) Các hành vi khác gây thiệt hại cho Tổng công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba

mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn

kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với môi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện và theo quy định như sau:

Cổ đông có sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền một (01) người; Nếu sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa hai (02) người; Nếu sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người; Nếu sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa bốn (04) người; Nếu sở hữu từ 40% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa năm (05) người; Nếu sở hữu trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa sáu (06) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành

hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19 và 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10 ngày) trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công

bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30 ngày), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định

tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến hoặc bằng hình thức họp trực tuyến kết hợp với họp trực tiếp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông vắng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến hoặc bằng hình thức họp trực tuyến kết hợp với họp trực tiếp được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

f) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này."

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên biểu quyết tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản..

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân

biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký

biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể: Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử bốn (04) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên và từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa chín (09) ứng viên;

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty có từ năm (05) đến chín (09) thành viên. Số lượng cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty (Công ty đại chúng) phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp nhận;

c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn về nhận trong nhận thức, làm chủ hành vi và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng minh cho việc này;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty (phải kê khai các lợi ích có liên quan theo Luật doanh nghiệp).

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm được trả và quyết định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ

của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại

Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Tổng công ty

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Có sức khỏe đủ để thực hiện nhiệm vụ, trung thực, niêm khiết, đạo đức tốt;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất (03) năm trong quản trị doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty;

d) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý;

e) Hiểu biết phap luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

f) Không được là người có quan hệ gia đình (là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu) của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty và công ty mẹ.

5. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định của Tổng công

ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể: Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của Tổng công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục không được sự chấp thuận của Trưởng Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng

chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn về nhận trong nhận thức, làm chủ hành vi và thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh cho việc này;

e) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty;

f) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực,

cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo mọi điều kiện để người lao động trong Tổng công ty được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Tổng công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý và người lao động trong Tổng công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, chấp hành các nội quy, quy chế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người quản lý và người lao động.

5. Người lao động được quyền tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và quy chế dân chủ của Tổng công ty.

Người lao động có quyền gia nhập các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

6. Công đoàn Tổng công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam, là tổ chức đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động. Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty hoặc người do Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty ủy quyền được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông và được tham gia ý kiến về vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động trong Tổng công ty.

7. Hàng năm Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Tổng công ty. Nội dung chủ yếu của Hội nghị người lao động là bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; Đánh giá việc thực hiện thoả ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Tổng công ty, những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận (kế toán) sau thuế hàng năm được phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước

3. Số lợi nhuận còn lại (sau khi đã trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) được phối như sau:

a) Trích quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi;

c) Trích khen thưởng ban quản lý điều hành, người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác;

d) Chia cổ tức;

e) Trích quỹ khác và/hoặc để lại chuyển sang năm sau (nếu có).

4. Việc phân phối lợi nhận thông qua việc chia cổ tức, cụ thể như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

b) Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

c) Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

d) Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

e) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Tổng công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

f) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật."

Điều 46. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp Tổng công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:

- Trích quỹ dự trữ để bù lỗ.

- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông quyết định các biện pháp khắc phục.

XIV. CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 47. Các đơn vị phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết

Tổng công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại phụ lục số 01 kèm theo Điều lệ này.

Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với đơn vị phụ thuộc

Đơn vị phụ thuộc Tổng công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán, tổ chức nhân sự của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây

dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty có thể có con dấu theo quy định; Được ký kết các hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Tổng giám đốc, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính theo phân cấp của Tổng công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của đơn vị hạch toán phụ thuộc được quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của đơn vị này.

Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty con

1. Tổng công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty đó.

2. Tổng công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối tại Công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con (sau đây gọi là Người đại diện phần vốn);

3. Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, thông qua phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối;

b) Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất bằng văn bản về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con;

c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện phần vốn xin ý kiến bằng văn bản về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại các Công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Tổng công ty;

d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các Công ty con;

e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con;

4. Báo cáo tài chính của Tổng công ty và Công ty con

a) Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Tổng công ty còn phải lập các báo cáo sau đây: Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Tổng công ty - Công ty con theo quy định của pháp luật về kế toán; Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của nhóm Tổng công ty - Công ty con; Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của nhóm Tổng công ty - Công ty con.

b) Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm a khoản này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

c) Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm Tổng công ty - Công ty con.

d) Trường hợp không biết hoặc không nghi ngờ về việc báo cáo do Công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo thì người quản lý

Tổng công ty sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của nhóm Tổng công ty - Công ty con.

e) Trong trường hợp người quản lý Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ Công ty con thì người quản lý Tổng công ty vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của nhóm Công ty. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ Công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

f) Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Tổng công ty, của các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả nhóm Tổng công ty - Công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Tổng công ty trên lãnh thổ Việt Nam.

g) Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Tổng công ty.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty đối với các Công ty liên kết

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó.

2. Tổng công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 51. Việc đặt tên, sử dụng tên, nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty (NATEXCO); (DỆT MAY NAM ĐỊNH)

Tên gọi của các Công ty con: Sau tên Công ty đó có thêm cụm từ Dệt May Nam Định phù hợp với tên gọi của Tổng công ty, mang đặc trưng ngành nghề và văn hóa của Tổng công ty. Tên giao dịch phải thể hiện được nhãn hiệu hàng hóa của Tổng công ty theo quy định thống nhất do Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành. Quy định này cũng thể hiện tại các văn bản giấy tờ giao dịch, bì thư, bảng hiệu, trang trí tại các hội nghị.

Việc cho các Công ty con, Công ty liên kết có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu hàng hóa NATEXCO của Tổng công ty phải được Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận và trên cơ sở hợp đồng cụ thể giữa hai bên.

Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, trong độ tuổi lao động pháp luật quy định;

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu biết pháp luật và tuân thủ pháp luật;

c) Có tư cách đạo đức và phẩm chất chính trị tốt;

d) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

e) Có trình độ từ đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực kinh doanh và quản lý phù hợp;

f) Không thuộc đối tượng đang thi hành án, đang bị điều tra của cơ quan tư pháp, không thuộc đối tượng mà quy định của pháp luật cấm đảm nhiệm các chức danh, điều hành quản lý doanh nghiệp.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại Công ty con, Công ty liên kết. Có trách nhiệm sử dụng quyền của cổ đông, thành viên có vốn góp chi phối để định hướng Công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty;

b) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của Tổng công ty;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo (bằng văn bản) với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp;

e) Xin ý kiến (bằng văn bản) Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo phân cấp trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của Tổng công ty con về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn…;

f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Tổng công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng công ty tại Công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Tổng công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế Tài chính của Tổng công ty.

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Quy chế Quản lý Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

2. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty được hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm… theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đó và theo Quy chế Quản lý Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp (VAS) hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý của Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định

lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

XVIII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 60. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 61. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 63. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công

ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Tổng công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 Mục, 66 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Dệt May Nam Định nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2025.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty và được nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị có liên quan theo quy định.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

Vũ Ngọc Tuấn

Phụ lục số 1.

DANH SÁCH

CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

(Tại thời điểm ban hành Điều lệ tháng 04 năm 2025)

1. Đơn vị phụ thuộc (Địa điểm kinh doanh, Chi nhánh):

- Nhà máy Sợi Tô Hiệu
- Nhà máy Sợi Hòa Xá
- Nhà máy Nhuộm
- Nhà máy Động lực
- Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Đời sống
- Chi nhánh Tổng công ty CP Dệt May Nam Định (tại Hà Nội)

2. Các Công ty con:

- Công ty CP Dệt khăn - Dệt May Nam Định
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại - Dệt Nam Định
- Công ty TNHH MTV Chăn len - Dệt May Nam Định
- Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định

3. Các Công ty liên kết và khác:

- Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định
- Công ty CP May 1 - Dệt Nam Định
- Công ty CP May IV - Dệt Nam Định
- Công ty CP May 5 - Dệt May Nam Định
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (VNDC)
- Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam.

NAM DINH TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

NATEXCO

CHARTER

NAM DINH TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

Nam Dinh, April, 2025

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION

I. DEFINITIONS OF TERMS USED IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of terms

II. NAME, TYPE, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, DURATION OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE CORPORATION

Article 2. Name, type, head office, branches, representative offices, business locations, and duration of operation of the Corporation

Article 3. Legal representative of the Corporation

III. OBJECTIVES, BUSINESS SCOPE AND ACTIVITIES OF THE CORPORATION

Article 4. Objectives of the Corporation's operations

Article 5. Scope of business and operations of the Corporation

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, founding Shareholders

Article 7. Share certificates

Article 8. Other securities certificates

Article 9. Share transfer

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Article 10. Organizational structure, governance, and control

VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 11. Rights of Shareholders

Article 12. Obligations of Shareholders

Article 13. General meeting of Shareholders

Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

Article 15. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

Article 16. Changes in rights

Article 17. Convening, agenda, and notice of the General Meeting of Shareholders

Article 18. Conditions for holding the General Meeting of Shareholders

Article 19. Procedures for holding and voting at the General Meeting of Shareholders

Article 20. Conditions for adoption of resolutions by the General Meeting of Shareholders

Article 21. Authority and procedure for obtaining Shareholders' Opinions in writing for passing resolutions of the General Meeting of Shareholders

Article 22. Resolutions and meeting minutes of the General Meeting of Shareholders

Article 23. Request for annulment of resolutions of the General Meeting of Shareholders

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 24. Nomination and candidacy of members of the Board of Directors

Article 25. Composition and term of members of the Board of Directors

Article 26. Rights and duties of the Board of Directors

Article 27. Remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Directors

Article 28. Chairman of the Board of Directors

Article 29. Meetings of the Board of Directors

Article 30. Subcommittees of the Board of Directors

Article 31. Person in charge of Corporate Governance

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 32. Organizational structure of the management apparatus

Article 33. Executives of the Corporation

Article 34. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director

IX. BOARD OF SUPERVISORS

Article 35. Nomination and candidacy of members of the Board of Supervisors (Supervisors)

Article 36. Composition of the Board of Supervisors

Article 37. Head of the Board of Supervisors

Article 38. Rights and responsibilities of the Board of Supervisors

Article 39. Meetings of the Board of Supervisors

Article 40. Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Supervisors

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Article 41. Duty of honesty and avoidance of conflicts of interest

Article 42. Liability for damages and compensation

XI. RIGHT TO INSPECT THE CORPORATION'S BOOKS AND RECORDS

Article 43. Right to inspect books and records

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and trade union

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 45. Profit distribution

Article 46. Handling in case of business losses

XIV. DEPENDENT UNITS, SUBSIDIARIES, AND ASSOCIATED COMPANIES OF THE CORPORATION

Article 47. Dependent units, Subsidiaries, and Associated Companies

Article 48. Relationship between the Corporation and its Dependent units

Article 49. Rights and obligations of the Corporation with respect to Subsidiary Companies

Article 50. Rights and obligations of the Corporation with Associated Companies

Article 51. Naming, use of names and trademarks of the Corporation (NATEXCO); (NAM DINH TEXTILE GARMENT)

Article 52. Standards and conditions for the representative of the Corporation's capital in Subsidiaries and Associated companies

Article 53. Rights, obligations, and benefits of the Corporation's capital representative in Subsidiaries and Associated companies

XV. BANK ACCOUNTS, FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING REGIME

Article 54. Bank accounts

Article 55. Financial year

Article 56. Accounting regime

XVI. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 57. Annual, semi-annual and quarterly financial statements

Article 58. Annual report

XVII. AUDIT OF THE CORPORATION

Article 59. Audit

XVIII. ENTERPRISE SEAL

Article 60. Enterprise seal

XIX. DISSOLUTION OF THE CORPORATION

Article 61. Dissolution of the Corporation

Article 62. Extension of operation

Article 63. Liquidation

XX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES

Article 64. Resolution of internal disputes

XXI. AMENDMENT AND SUPPLEMENTATION OF THE CHARTER

Article 65. Amendment and supplementation of the Corporation's Charter

XXII. EFFECTIVE DATE

Article 66. Effective date

INTRODUCTION

This Charter was adopted pursuant to Resolution No. 01/NQ-ĐHĐCĐ-DMNĐ dated April 24, 2025 at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Nam Dinh Textile Garment Joint Stock Corporation.

This Charter is prepared in both Vietnamese and English with equal legal validity. In the event of any discrepancies between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.

I. DEFINITIONS OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation of terms

1. In this Charter, the following terms shall be construed as follows:

a) *The Corporation* means Nam Dinh Textile Garment Joint Stock Corporation;

b) *Charter capital* means the total par value of shares that have been sold or registered for purchase upon the establishment of the Corporation and as stipulated in Article 6 of this Charter;

c) *Voting capital* means the share capital that entitles its holders to vote on matters within the authority of the General Meeting of Shareholders;

d) *Enterprise Law* refers to Law No. 59/2020/QH14 on Enterprises passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;

e) *Securities Law* refers to Law No. 54/2019/QH14 on Securities passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;

f) *Viet Nam* refers to the Socialist Republic of Vietnam;

g) *Date of establishment* means the date on which the Corporation was granted the Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or equivalent documents) for the first time;

h) *Executive officers* include the General Director, Deputy General Directors, Managing Directors, Chief Accountant, and other executives as specified in this Charter;

i) *Managers* of the Corporation include the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, Deputy General Directors, Managing Directors, and the Chief Accountant appointed or approved by the Board of Directors to serve as management personnel of the Corporation;

k) *Related persons* are individuals or organizations defined in Clause 46, Article 4 of the Securities Law;

l) *Shareholder* means any individual or organization owning at least one share in the Corporation;

m) *Founding shareholder* is a shareholder who owns at least one ordinary share and has signed the list of founding shareholders of the Corporation;

n) *Major shareholder* is a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Securities Law;

o) *Operating term* means the period during which the Corporation operates as provided in Article 2 of this Charter and any extension thereof (if applicable) as approved by the General Meeting of Shareholders;

p) *Stock exchange* means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries.

2. In this Charter, references to one or more legal provisions or documents include any amendments, supplements, or replacements thereof.

3. The headings (Sections, Articles of this Charter) are provided for the sake of convenience and do not affect the content of this Charter.

II. NAME, TYPE, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, DURATION OF OPERATION AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE CORPORATION

Article 2. Name, type, head office, branches, representative offices, business locations, and duration of operation of the Corporation

1. Name of the Corporation:

- Vietnamese name:Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

- English name: NAM DINH TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

- Abbreviated name: NATEXCO

2. The Corporation is a joint stock company with legal entity status in accordance with the current laws of Vietnam.

3. Registered head office of the Corporation:

- Address: 43 To Hieu Street, Nang Tinh Ward, Nam Dinh City, Nam Dinh Province, Vietnam

- Telephone: 0228 3849749/ 3849342/3849586

- Fax: 0228 3849750

- Website: www.Natexco.com.vn

- Email: Natexco.nd@gmail.com

4. The Corporation may establish branches and representative offices in business areas to carry out the Corporation's operational objectives, in accordance with decisions of the Board of Directors and within the limits permitted by law.

5. Unless otherwise terminated earlier under Clause 2, Article 62 or extended under Article 63 of this Charter, the operating duration of the Corporation is indefinite..

Article 3. Legal representative of the Corporation

The Corporation shall have one (01) legal representative, who is the General Director.

The rights and obligations of the legal representative of the Corporation shall comply with the provisions of Article 34 of this Charter and relevant laws.

III. OBJECTIVES, BUSINESS SCOPE AND ACTIVITIES OF THE CORPORATION

Article 4. Objectives of the Corporation's operations

1. Lines of business of the Corporation:

No	Industry Name	Industry Code
1	Yarn production Details: Production of various types of yarns and threads	1311 (Main)
2	Weaving fabric production	1312
3	Finishing textile products Details: Printing, dyeing, washing, starching, waterproofing, shrinkage prevention	1313
4	Knitted fabric, crocheted fabric, and other nonwoven fabric production	1391
5	Ready-made garment production (excluding clothing) Details: Production of various types of clothing	1392
6	Production of other textile products not classified elsewhere Details: Production of towels, other textile products, and other types of garment manufacturing	1399
7	Production of crepe paper, cardboard, and paperboard packaging Details: Paper tubes, packaging, and other paperboard products	1702
8	Water extraction, treatment, and supply	3600
9	Sewage and waste water treatment	3700
10	Residential building construction	4101
11	Non-residential building construction	4102
12	Construction of other civil engineering works	4299
13	Wholesale trade of fabrics, ready-made garments, and footwear Details: Trade of various fabrics, textile products	4641
14	Other wholesale trade not classified elsewhere Details: Wholesale of yarns, yarns, cotton, towels, dyes, starch powder, spare parts for machinery and equipment in the yarn, textile, and garment industries	4669
15	General wholesale trade Details: Wholesale trade of textile, yarn, and garment products	4690
16	Road freight transport	4933
17	Warehousing and storage of goods	5210
18	Cargo handling	5224
19	Short-term accommodation services Details: Hotel services, guesthouses, workers' dormitories	5510
20	Food and beverage services Details: Canteen services for workers	5629
21	Real estate business, land use rights for ownership, use, or lease Details: Leasing kiosks, office spaces, factories, and car garages	6810
22	Car rental services Details: Renting passenger cars, trucks, and buses	7710
23	Rental of machinery, equipment, and other tangible goods without operators	7730

No	Industry Name	Industry Code
	Details: Renting machinery and equipment for yarn, textile, garment, and construction industries	
24	Vocational training Details: Vocational training in yarn, textile, dyeing, and garment production (short-term courses)	8532
25	Operations of general, specialized, and dental clinics Details: Medical treatment services for the Corporation's employees covered by social insurance	8620
26	Sports club activities	9312
27	For conditional business activities, the enterprise may only operate once it meets all the legal requirements	

2. Business Objectives of the Corporation

a) The corporation operates in industries in accordance with its Business Registration Certificate and the legal provisions, with the goal of mobilizing and effectively utilizing capital for business development. The aim is to maximize profits, create stable employment for workers, increase returns for shareholders, contribute to the state budget, and further develop the corporation.

b) The corporation may have other objectives during its operations in compliance with the law.

3. Principles of Operation

a) Voluntariness, equality, democracy, respect for and adherence to the law.

b) Honest, skilled, dedicated, and responsible business practices.

c) Ensuring financial resources to meet business commitments with customers.

d) The highest decision-making body of the corporation is the General Meeting of Shareholders.

e) The General Meeting of Shareholders elects the Board of Directors and the Board of Supervisors of the corporation.

f) Ensuring a strict internal organization system to avoid conflicts of interest between the corporation and its employees, between the Board of Directors and shareholders, and among shareholders. Conducting inspections and internal audits to ensure that the corporation's activities comply with legal regulations.

g) The operation of the corporation is managed by the General Director. The General Director is assisted by Deputy General Directors, Executive Directors, and the management apparatus of the corporation.

4. Rights of the Corporation

a) Freedom to conduct business; proactively choosing industries, business locations, forms of business, and investments; expanding scale and industries as desired; benefiting from state encouragement, incentives, and favorable conditions for participating in the production and supply of public products and services.

b) The right to issue various types of securities to raise capital. Choose the method, manner of raising capital, and its allocation and usage.

c) The right to proactively seek markets, customers, and sign contracts.

d) The right to conduct export and import businesses.

e) The right to recruit, hire, and utilize labor according to business production needs.

f) The right to apply modern science and technology to improve business efficiency and competitiveness.

g) The right to make autonomous decisions regarding business matters and internal relations.

h) The right to own, use, and dispose of the corporation's assets.

i) The right to refuse any request for resources that are not legally mandated.

j) The right to file complaints and denunciations according to the law.

k) The right to participate in legal proceedings directly or through a representative, as provided by law.

l) Other rights as prescribed by law.

5. Obligations of the Corporation

a) To meet the business conditions when engaging in conditional investment activities as prescribed by law and the corporation's Charter.

b) To organize accounting work, prepare, and submit accurate and truthful financial statements in compliance with accounting and statistical laws.

c) To declare and pay taxes and fulfill other financial obligations as prescribed by law.

d) To ensure the rights and interests of employees according to labor laws, and comply with social insurance, health insurance, and other insurance policies for workers as required by insurance laws.

e) To ensure and take responsibility for the quality of goods and services according to registered or declared standards.

f) To comply with statistical laws; regularly report full information about the enterprise and its financial status to competent authorities; if any discrepancies are found in reported or declared information, timely amendments must be made.

g) To comply with laws on national defense, security, public order, environmental protection, and the protection of historical and cultural heritage.

h) Other obligations as prescribed by law.

6. The Communist Party Organization, the Trade Union, and Other Political and Social Organizations within the Corporation

a) The Communist Party organization in the corporation operates in accordance with the Constitution, laws of Vietnam, and the Charter of the Communist Party of Vietnam.

b) The Trade Union and other political-social organizations in the corporation operate in accordance with the Constitution and laws of Vietnam, as well as the regulations of these organizations, provided they do not contradict the law.

c) The corporation respects and creates favorable conditions for employees to participate in these organizations in compliance with the Constitution and laws.

Article 5. Scope of business and operations of the Corporation

The corporation is allowed to conduct business activities in the industries listed in this Charter, which have been registered, notified of changes to the business registration authority, and published on the national business registration portal. (In cases where the corporation is engaged in industries with conditional investment and business activities, it must meet the required conditions under the Investment Law and relevant specialized laws).

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, founding Shareholders

1. The charter capital of the corporation is 156,399,760,000 VND (One hundred fifty-six billion three hundred ninety-nine million seven hundred sixty thousand VND).

The total charter capital of the corporation is divided into 15,639,976 shares, each with a nominal value of 10,000 VND per share.

Capital structure at the time of establishment:

- The Vietnam National Textile & Garment Group holds 53.67% of the charter capital.

- Shares sold at a discount to employees of the corporation account for 26.98% of the charter capital.

- Shares sold to external entities account for 19.35% of the charter capital.

2. The corporation may change its charter capital with approval from the General Meeting of Shareholders and in compliance with the relevant laws.

3. The shares of the corporation at the time of adopting this Charter are common shares. The rights and obligations of shareholders holding each type of share are regulated in Articles 12 and 13 of this Charter.

4. The corporation may issue other preferential shares after approval from the General Meeting of Shareholders and in accordance with the law.

5. Common shares must be offered first to existing shareholders in proportion to their current shareholding in the corporation, except in cases where the General Meeting of Shareholders decides otherwise. Any shares not subscribed to by existing shareholders will be allocated by the Board of Directors of the corporation. The Board of Directors can distribute these shares to shareholders or other parties under conditions that are not more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. The corporation may buy back shares that it has issued through the methods prescribed in this Charter and in accordance with applicable laws. Shares repurchased by the corporation will be treasury shares, and the Board of Directors may offer them for sale following the procedures outlined in this Charter and in accordance with

current laws.

7. The corporation may issue other types of securities upon approval from the General Meeting of Shareholders and in accordance with applicable laws.

Article 7. Share certificate

1. Shareholders of the corporation will be issued share certificates corresponding to the number and type of shares they hold.

2. Shares are securities that confirm the legal rights and interests of the holder in a portion of the corporation's capital. Share certificates must contain all required information as stipulated in Clause 1, Article 121 of the Enterprise Law.

3. Within seven (07) days from the date of submitting complete documents for transferring share ownership according to the corporation's regulations, or within seven (07) days from the date of full payment for the shares as stipulated in the corporation's share issuance plan (or other deadlines specified in the issuance conditions), the shareholder will be issued a share certificate. Shareholders will not be required to pay the corporation for the printing of the share certificate.

4. In the event that a share certificate is lost, damaged, or destroyed in another form, the shareholder can request the corporation to issue a replacement certificate. The shareholder's request must include the following details:

a) Information about the lost, damaged, or destroyed share certificate;

b) A commitment to take responsibility for any disputes arising from the issuance of a new share certificate.

5. The Corporation's shareholder register is kept at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and is maintained and updated by VSDC with information of shareholders whose shares are registered with VSDC.

Article 8. Other securities certificates

Bonds or other securities certificates of the corporation (excluding offering letters, temporary certificates, and similar documents) will be issued with the signature of the legal representative and the seal of the corporation.

Article 9. Share transfer

1. All shares may be freely transferred, unless otherwise provided by this Charter or the law. Shares listed and registered for trading on the Stock Exchange may be transferred in accordance with securities laws and the stock market regulations.

2. Shares that have not been fully paid for cannot be transferred and will not carry rights such as the right to receive dividends, the right to receive shares issued for capital increase from equity, the right to purchase new shares being offered, and other rights as provided by law.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND CONTROL

Article 10. Organizational structure, governance, and control

The organizational structure for management, governance, and control of the corporation (according to model a, Clause 1, Article 137 of the Enterprise Law) includes:

1. General Meeting of Shareholders.

2. Board of Directors.

3. Board of Supervisors.

4. General Director.

VI. SHAREHOLDERS AND GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 11. Rights of Shareholders

1. Common shareholders have the following rights:

a) Attend and speak at the General Meeting of Shareholders and exercise their voting rights directly or through a proxy, or vote remotely or through other forms as regulated by law. Each common share carries one vote;

b) Receive dividends as decided by the General Meeting of Shareholders;

c) Have priority to purchase new shares in proportion to their existing ownership in the corporation;

d) Freely transfer their shares to others, unless otherwise stipulated in Clause 3, Article 120, Clause 1, Article 127 of the Enterprise Law and other related laws;

e) Review, search, and extract information about the names and contact addresses of the voting shareholders; request corrections for inaccurate information;

f) Review, search, extract, or photocopy the corporation's Charter, meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

g) In the event of the dissolution or bankruptcy of the corporation, receive a portion of the remaining assets corresponding to their shareholding after the corporation settles debts with creditors and other shareholders of different types of shares according to the law;

h) Request the corporation to repurchase shares in the cases stipulated in Article 132 of the Enterprise Law;

i) Be treated equally. Each share of the same type entitles shareholders to equal rights, obligations, and benefits. In the case of preferential shares, the rights and obligations associated with those shares must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

j) Access full periodic information and ad hoc information published by the corporation as required by law;

k) Protect their legitimate rights and interests; request the suspension or annulment of resolutions or decisions by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors according to the provisions of the Enterprise Law;

l) Other rights as stipulated by law and this Charter.

2. Shareholders or groups of shareholders holding 5% or more of the total number of common shares have the following rights:

a) Request the Board of Directors to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Clause 3, Article 115, and Article 140 of the Enterprise Law;

b) Review, search, extract minutes and resolutions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports from the Board of Supervisors, contracts, transactions subject to Board of Directors approval, and other documents, except those related to trade secrets and business confidentiality of the corporation;

c) Request the Board of Supervisors to inspect specific issues related to the management and operation of the corporation when deemed necessary. Requests must be in writing and include the following details: name, contact address, nationality, and legal documents for individual shareholders; name, enterprise code or legal documents, and registered office for organizational shareholders; the number of shares and the date of registration for each shareholder, the total number of shares held by the group, and the ownership ratio in the corporation; the issue to be inspected and its purpose;

d) Propose issues to be added to the agenda of the General Meeting of Shareholders. Proposals must be in writing and submitted to the corporation no later than three (03) working days before the opening of the meeting. Proposals must specify the shareholder's name, the number of each type of share they hold, and the issues proposed for the agenda;

e) Other rights as stipulated by law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders holding 10% or more of the total number of common shares or who have the right to nominate individuals to the Board of Directors and the Board of Supervisors. The nomination process for the Board of Directors and the Board of Supervisors is as follows:

a) Common shareholders forming a group to nominate individuals to the Board of Directors and the Board of Supervisors must notify other shareholders of their meeting before the General Meeting of Shareholders opens;

b) Based on the number of members on the Board of Directors and the Board of Supervisors, shareholders or shareholder groups in this section have the right to nominate one or more candidates to the Board of Directors and the Board of Supervisors as determined by the General Meeting of Shareholders. If the number of candidates nominated by shareholders or groups of shareholders is lower than the number of candidates they are entitled to nominate, the remaining candidates will be nominated by the Board of Directors, the Board of Supervisors, and other shareholders.

Article 12. Obligations of Shareholders

Common shareholders have the following obligations:

1. Pay in full and on time for the shares they have committed to purchase.

2. Not withdraw their invested capital in the form of common shares from the corporation, except when the corporation or another entity repurchases the shares. If a shareholder withdraws part or all of their contributed capital in violation of this provision, they and related parties within the corporation will jointly be responsible for the corporation's debts and other obligations within the value of the withdrawn shares and any resulting damages.

3. Comply with the corporation's Charter and internal management regulations.

4. Abide by the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders

and the Board of Directors.

5. Keep confidential information provided by the corporation according to the provisions of the corporation's Charter and laws; only use the information to exercise and protect their legitimate rights and interests; refrain from distributing, copying, or sending the corporation's information to other organizations or individuals.

6. Attend General Meeting of Shareholderss and exercise voting rights through the following forms:

a) Attend and vote directly at the meeting;

b) Authorize another individual or organization to attend and vote at the meeting;

c) Attend and vote via online meetings, electronic voting, or other electronic methods;

d) Submit voting ballots to the meeting via mail, fax, or email;

e) Submit voting ballots through other methods as stipulated by law.

7. Be personally responsible when acting on behalf of the corporation in any of the following acts:

a) Violating the law;

b) Conducting business and other transactions for personal gain or for the benefit of other organizations or individuals;

c) Paying debts that are not due, risking the corporation's financial position; d) Other acts that cause damage to the corporation.

8. Fulfill other obligations as stipulated by current laws.

Article 13. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders includes all shareholders with voting rights and is the highest decision-making body of the corporation. The General Meeting of Shareholders meets annually once a year, within four (04) months from the end of the fiscal year. The Board of Directors may extend the annual General Meeting of Shareholders when necessary, but no later than six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may hold an extraordinary meeting. The location of the General Meeting of Shareholders is determined as the place where the chairperson attends and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and select an appropriate location. The annual General Meeting of Shareholders decides on issues as prescribed by law and the corporation's Charter, especially approving the audited annual financial report. In case the audited financial report of the corporation contains material exceptions, conflicting opinions, or a refusal, the corporation must invite a representative of the approved auditing organization to attend the General Meeting of Shareholders. The representative of the approved auditing organization is responsible for attending the General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors must convene an exceptional General Meeting of Shareholders in the following cases:

a) The Board of Directors considers it necessary for the benefit of the corporation;

b) The number of remaining members of the Board of Directors or Board of Supervisors is fewer than the minimum required by law;

c) At the request of shareholders or groups of shareholders specified in Clause 2, Article 11 of this Charter. The request to convene the General Meeting of Shareholders must be in writing, specifying the reasons and purpose of the meeting, with signatures from the relevant shareholders or with multiple copies signed by the relevant shareholders;

d) At the request of the Board of Supervisors;

e) Other cases as stipulated by law and this Charter.

4. Convening the exceptional General Meeting of Shareholders:

a) The Board of Directors must convene the General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date the number of members of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors, or members of the Board of Supervisors remaining as required in item b, Clause 3 of this Article, or upon receiving a request as specified in items c and d, Clause 3 of this Article;

b) If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in item a, Clause 4 of this Article, the Board of Supervisors must replace the Board of Directors to convene the meeting within the next 30 days according to Clause 3, Article 140 of the Enterprise Law;

c) If the Board of Supervisors fails to convene the General Meeting of Shareholders as stipulated in item b, Clause 4 of this Article, the shareholders or groups of shareholders as specified in item c, Clause 3 of this Article have the right to request a representative of the corporation to convene the meeting according to the provisions of the Enterprise Law. In this case, the shareholders or groups of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the Business Registration Authority to supervise the procedures for convening, conducting the meeting, and making decisions of the General Meeting of Shareholders. All costs for convening and conducting the meeting will be reimbursed by the corporation. These costs do not include expenses incurred by shareholders when attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel costs.

d) Procedures for organizing the General Meeting of Shareholders are as prescribed in Clause 5, Article 140 of the Enterprise Law.

Article 14. Rights and obligations of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:

a) Approve the development direction of the corporation;

b) Decide the type and total number of shares of each type to be offered; decide the annual dividend rate for each type of share;

c) Elect, dismiss, and remove members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;

d) Decide on investments or the sale of assets valued at 35% or more of the total assets as recorded in the most recent financial report of the corporation;

e) Amend or supplement the corporation's Charter;

f) Approve the annual financial report;

g) Decide to repurchase more than 10% of the total shares sold of each type;

h) Review and handle violations by members of the Board of Directors or Board of Supervisors that cause damage to the corporation and its shareholders;

i) Decide to reorganize or dissolve the corporation;

j) Decide on the budget or the total salary, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Board of Supervisors;

k) Approve the internal governance regulations; approve the working regulations of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

l) Approve the list of the approved auditing firms; decide which auditing firm will carry out the corporation's audits and dismiss an approved auditor if necessary;

m) Other rights and obligations as prescribed by law.

2. The General Meeting of Shareholders will discuss and approve the following matters:

a) The corporation's annual business plan;

b) The annual audited financial report;

c) The Board of Directors' report on governance and the activities of the Board of Directors and each of its members;

d) The Board of Supervisors's report on the corporation's business results and the activities of the Board of Directors and the General Director;

e) The self-assessment report on the activities of the Board of Supervisors and its members;

f) The dividend rate for each type of share;

g) The number of members of the Board of Directors and Board of Supervisors;

h) Election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors and Board of Supervisors;

i) Decision on the budget or total salary, bonuses, and other benefits for the Board of Directors and the Board of Supervisors;

k) Approval of the list of the approved auditing firms; decide on the auditing firm to inspect the corporation's activities if necessary;

l) Amend or supplement the corporation's Charter;

m) The type of share and the number of new shares to be issued for each type of share and the transfer of shares by founding members during the first 3 years since the establishment;

n) Split, merge, consolidate, or transform the corporation;

o) Reorganize or dissolve (liquidate) the corporation and appoint the liquidator;

p) Decide on investments or the sale of assets valued at 35% or more of the total

assets as recorded in the most recent financial report of the corporation;

q) Decide to repurchase more than 10% of the total shares sold of each type;

r) The corporation signing contracts or transactions with entities as stipulated in Clause 1, Article 167 of the Enterprise Law, valued at or above 35% of the total assets of the corporation as recorded in the most recent financial report;

s) Approve transactions as stipulated in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law;

t) Approve the internal governance regulations of the corporation, the operating regulations of the Board of Directors, and the operating regulations of the Board of Supervisors;

u) Other issues as prescribed by law and this Charter.

3. All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 15. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders, or authorized representatives of shareholder organizations, may attend the General Meeting of Shareholders directly or may authorize one or more individuals or organizations to attend the meeting, or attend the meeting through one of the forms specified in Clause 3, Article 144 of the Enterprise Law.

2. The authorization of an individual or organization to attend the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 1 of this Article must be made in writing. The authorization document must comply with civil law regulations and must specify the shareholder's name, the name of the authorized individual or organization, the number of shares authorized, the content and scope of the authorization, the duration of the authorization, and the signatures of both the authorizing party and the authorized representative.

The authorized person attending the General Meeting of Shareholders must submit the authorization document when registering to attend. If there is a re-authorization, the attendee must also present the initial authorization document of the shareholder or the shareholder representative organization (if it has not been previously registered with the corporation).

If more than one authorized representative is appointed to attend the General Meeting of Shareholders, the number of shares and voting rights of each authorized representative must be clearly specified and follow these regulations:

Shareholders owning less than 10% of the total common shares may authorize one (1) person; Shareholders owning from 10% to less than 20% of the total common shares may authorize a maximum of two (2) persons; Shareholders owning from 20% to less than 30% of the total common shares may authorize a maximum of three (3) persons; Shareholders owning from 30% to less than 40% of the total common shares may authorize a maximum of four (4) persons; Shareholders owning from 40% to 50% of the total common shares may authorize a maximum of five (5) persons; Shareholders owning more than 50% of the total common shares may authorize a maximum of six (6) persons to attend the General Meeting of Shareholders.

3. The voting rights of an authorized representative attending the meeting within the scope of their authorization will remain valid in the following cases, except for the following:

a) The shareholder who gave the authorization has died, or their legal capacity is restricted or lost;

b) The shareholder who gave the authorization has revoked the authorization;

c) The shareholder who gave the authorization has revoked the authority of the representative.

This clause does not apply if the corporation receives notice of any of the events mentioned above before the opening of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened.

Article 16. Changes in rights

1. Any change or cancellation of special rights attached to a class of preferred shares shall take effect when approved by shareholders representing 65% or more of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting in favoror. A resolution of the General Meeting of Shareholders on matters that adversely affect the rights and obligations of holders of preferred shares shall only be passed if it is approved by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares attending and voting at the meeting in favoror, or by shareholders holding at least 75% of the total number of such preferred shares voting in favor in case the resolution is adopted in the form of written consultation.

2. The meeting of shareholders holding a specific class of preferred shares to approve changes to their rights will be valid only if at least two (02) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the total par value of the issued shares of that class are present. If the required number of representatives is not met, the meeting will be reconvened within thirty (30) days, and the shareholders holding that class of shares (regardless of the number of persons and shares) who are present either directly or through authorized representatives will be considered sufficient for quorum. At such meetings, shareholders holding that class of shares present directly or through representatives may request a secret ballot. Each share of the same type will have equal voting rights at these meetings.

3. The procedure for conducting such separate meetings shall follow the provisions in Articles 18, 19, and 20 of this Charter.

4. Unless otherwise stipulated in the share issuance terms, the special rights associated with the classes of preferred shares regarding certain or all matters related to the distribution of profits or assets of the corporation will not be altered when the corporation issues additional shares of the same class.

Article 17. Convening, agenda, and notice of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene the Annual and Extraordinary General Meeting of Shareholders. The Board of Directors shall convene the Extraordinary General Meeting of Shareholders in cases as specified in Clause 3, Article 13 of this Charter.

2. The convener of the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:

a) Prepare a list of shareholders eligible to attend and vote at the General Assembly. The list of shareholders eligible to attend the General Assembly must be prepared no later than ten (10) days before the notice of the meeting is sent out. The corporation must announce information about the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Assembly at least twenty (20) days before the final registration date;

b) Prepare the agenda and content of the meeting;

c) Prepare materials for the meeting;

d) Draft the resolutions of the General Meeting of Shareholders based on the proposed agenda;

e) Determine the time and venue for the meeting;

f) Notify and send the invitation to attend the General Assembly to all shareholders entitled to attend;

g) Other tasks to serve the meeting.

3. The notice of the General Assembly must be sent to all shareholders in a manner that ensures delivery to the shareholder's contact address. The notice must also be posted on the corporation's website and on the website of the State Securities Commission and the Stock Exchange where the corporation's shares are listed or registered for trading. The convener of the General Assembly must send the notice to all shareholders on the list of eligible attendees no later than twenty-one (21) days before the meeting date (from the date the notice is sent or validly dispatched). The agenda of the General Assembly, along with related documents on the matters to be voted on, must be sent to shareholders or posted on the corporation's website. In case the documents are not sent with the meeting notice, the notice must provide a link to access the full meeting materials, including:

a) The agenda of the meeting and materials to be used during the meeting;

b) The list and detailed information of candidates in case of electing members of the Board of Directors or the Board of Supervisors;

c) Voting ballots;

d) The proxy form for representatives attending the meeting;

e) Draft resolutions on each item of the agenda.

4. Shareholders or groups of shareholders as defined in Clause 2, Article 11 of this Charter have the right to propose matters to be included in the agenda of the General Assembly. The proposal must be in writing and sent to the corporation no later than three (03) business days before the meeting date. The proposal must specify the name of the shareholder, the number of shares of each type owned by the shareholder, and the matter being proposed for inclusion in the agenda.

5. The convener of the General Assembly has the right to reject proposals as stipulated in Clause 4 of this Article if any of the following conditions are met:

a) The proposal is submitted incorrectly as per the regulations in Clause 4 of this Article;

b) At the time of submission, the shareholder or group of shareholders does not hold at least 5% of common shares as specified in Clause 2, Article 11 of this Charter;

c) The proposed matter is beyond the authority of the General Assembly;

d) Other cases as specified by law and this Charter.

6. The convener of the General Assembly must accept and include proposals as stipulated in Clause 4 of this Article in the proposed agenda and meeting content, unless specified in Clause 5 of this Article. The proposal will be officially included in the agenda and content of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 18. Conditions for holding the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall be validly held when the shareholders present represent more than 50% of the total voting shares.

2. If the first meeting does not meet the requirements for holding the meeting as specified in Clause 1 of this Article, a second notice of the meeting must be sent within thirty (30) days from the date of the intended first meeting. The second meeting shall be validly held when the shareholders present represent at least 33% of the total voting shares.

3. If the second meeting does not meet the requirements for holding the meeting as specified in Clause 2 of this Article, a third notice of the meeting must be sent within twenty (20) days from the date of the intended second meeting. The third meeting shall be held regardless of the total voting shares of the shareholders present.

Article 19. Procedures for holding and voting at the General Meeting of Shareholders

1. Before the meeting begins, the Corporation must conduct the procedure for shareholder registration, and registration must continue until all shareholders entitled to attend the meeting have registered, following the process below:

a) During registration, the Corporation will issue a voting card for each shareholder or proxy with voting rights, indicating the registration number, the shareholder's name, the name of the proxy, and the number of votes the shareholder holds. The General Meeting of Shareholders will discuss and vote on each issue in the agenda. Voting will be conducted by agreeing, disagreeing, or abstaining. The voting cards for agreeing with the resolution will be collected first, followed by those disagreeing, and finally, the total votes will be counted to decide the outcome. The result of the vote will be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned. The General Assembly will elect the vote counters or supervisors based on the Chairperson's proposal. The number of members in the vote-counting committee will be decided by the General Assembly based on the Chairperson's proposal.

b) Shareholders or proxies arriving after the meeting has started have the right to register and participate in voting immediately after registration. The Chairperson is not obliged to halt the meeting for late arrivals, and the validity of issues previously voted on will not be altered.

2. The election of the Chairperson, Secretary, and vote-counting committee is as follows:

a) The Chairman of the Board of Directors will act as the Chairperson or delegate another member of the Board to be the Chairperson of the meeting. If the Chairman is absent or temporarily unable to work, the remaining Board members will elect a Chairperson by majority vote. If no Chairperson can be elected, the Head of the Board of Supervisors will preside over the meeting and the General Assembly will elect a Chairperson from among the attendees, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

b) Except as stipulated in item (a), the person who signed the notice to convene the meeting will preside over the meeting and the General Assembly will elect the Chairperson, with the person receiving the highest number of votes becoming the Chairperson.

c) The Chairperson will appoint one or more individuals as the meeting's secretary.

d) The General Assembly will elect one or more members for the vote-counting committee based on the Chairperson's proposal.

3. The program and agenda of the meeting must be approved by the General Assembly at the opening session. The program should specify the time allocated for each issue on the agenda.

4. The Chairperson has the authority to take necessary and reasonable measures to conduct the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda and reflecting the will of the majority of the attendees:

a) Arranging seating at the meeting venue;

b) Ensuring safety for all participants;

c) Facilitating shareholders' attendance (or continued attendance) at the meeting. The person convening the meeting has full authority to change the above measures and implement any necessary actions. These measures may include issuing entry passes or using other selection methods.

5. The General Assembly will discuss and vote on each issue on the agenda. Voting will be conducted by agreeing, disagreeing, or abstaining. The result of the vote will be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned.

6. Shareholders or proxies arriving after the meeting has started may register and participate in voting immediately after registration. In this case, the validity of previously voted issues will not change.

7. The person convening or the Chairperson has the following rights: a) To require all attendees to undergo checks or other legal, reasonable security measures; b) To request authorities to maintain order during the meeting, expelling those who do not comply with the Chairperson's authority, intentionally disrupt the order, obstruct the smooth progress of the meeting, or refuse to comply with security checks.

8. The Chairperson may postpone the meeting if the required number of registered participants has been met, but not for more than three (03) working days from the planned start date. The meeting can only be postponed or the venue changed in the following cases:

a) The meeting venue does not have enough seating for all participants;

b) Communication facilities at the venue are insufficient for shareholders to participate in discussions and voting; c) Attendees disrupt the meeting, potentially preventing it from being held fairly and legally.

9. If the Chairperson postpones or suspends the meeting in violation of Clause 8, the General Assembly will elect a new Chairperson from among the attendees to manage the meeting until it concludes. All resolutions passed during that meeting will be legally effective.

10. The meeting of the General Assembly can be conducted in an online format or a combination of online and in-person attendance, or by gathering shareholder opinions in writing to pass resolutions. The conditions, authority, and procedural steps for holding an online or hybrid meeting are specified in the Corporation's internal governance regulations.

Article 20. Conditions for the adoption of resolutions by the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following issues shall be adopted if they are approved by shareholders representing at least 65% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting in favor, unless specified in clauses 3, 4, and 5 of this Article:

a) The types of shares and the total number of shares for each type;

b) Changes to the business sector, field, or industry;

c) Changes to the organizational structure of the Corporation;

d) Investment projects or the sale of assets worth 35% or more of the total assets as recorded in the Corporation's most recent financial report;

e) The restructuring or dissolution of the Corporation;

f) Other matters as specified in the Corporation's charter.

2. Resolutions shall be adopted if approved by shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the meeting, unless specified in clauses 1, 3, 4, and 5 of this Article.

3. Voting for the election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors must be conducted using cumulative voting, where each shareholder's total votes correspond to the total number of shares they hold multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors or Board of Supervisors. Shareholders may allocate all or part of their votes to one or more candidates. The elected members of the Board of Directors or Board of Supervisors will be determined based on the highest number of votes, starting from the candidate with the most votes until the required number of members as specified in the Corporation's charter. In case

two or more candidates receive an equal number of votes for the last position on the Board of Directors or Board of Supervisors, a re-election will be conducted among the candidates with equal votes, or a selection will be made according to the criteria specified in the election rules or the Corporation's charter.

4. If a resolution is passed via written consent, the resolution of the General Meeting of Shareholders shall be adopted if approved by shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote.

5. Resolutions of the General Meeting of Shareholders on issues that adversely affect the rights and obligations of shareholders holding preferential shares shall only be adopted if approved by shareholders holding at least 75% of the total preferential shares of that type attending and voting at the meeting, or by shareholders holding at least 75% of the total preferential shares of that type voting in favor in the case of a written consent process.

6. Resolutions of the General Meeting of Shareholders passed by 100% of the total voting shares are valid and effective, even if the procedures for convening the meeting and passing the resolution violate the provisions of the Enterprise Law or the Corporation's charter.

Article 21. Authority and procedure for obtaining Shareholders' opinions in writing for passing resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors has the authority to obtain shareholders' opinions in writing to pass a resolution of the General Meeting of Shareholders when it deems necessary for the benefit of the Corporation, except in the following cases:

a) Amendments or supplements to the Corporation's charter;

b) Strategic development directions for the Corporation;

c) Types of shares and the total number of shares for each type;

d) Election, dismissal, or removal of members of the Board of Directors and Board of Supervisors;

e) Decisions on investments or the sale of assets worth 35% or more of the total assets as recorded in the Corporation's most recent financial report;

f) Approval of the annual financial statements;

g) Restructuring or dissolution of the company.

2. The Board of Directors must prepare the opinion solicitation form, the draft resolution of the General Meeting of Shareholders, explanatory documents for the draft resolution, and send them to all shareholders entitled to vote at least ten (10) days before the deadline for submitting the opinion solicitation form. The request and method of sending the opinion solicitation form and accompanying documents must comply with the regulations in Clause 3, Article 17 of this Charter.

3. The opinion solicitation form must include the following essential information:

a) Name, head office address, business registration number;

b) The purpose of the opinion solicitation;

c) Name, contact address, nationality, and legal document number for individual shareholders; or for organizational shareholders, the company name, business registration number or legal document number, and address of the head office, or the name, contact address, nationality, and legal document number of the representative of the organizational shareholder; the number of shares for each type and the number of voting rights of the shareholder;

d) The issue(s) for which the opinion is being solicited to pass the resolution;

e) Voting options, including approval, disapproval, and abstention for each issue;

f) Deadline for returning completed opinion forms to the Corporation;

g) The name and signature of the Chairman of the Board of Directors.

4. Shareholders may send the completed opinion solicitation form to the Corporation by mail, fax, or email as follows:

a) In the case of mail, the opinion solicitation form must be signed by the individual shareholder, the authorized representative, or the legal representative of the organizational shareholder. The form must be sealed in an envelope, and no one may open it before the vote counting;

b) In the case of fax or email, the opinion solicitation form must remain confidential until the vote counting;

c) Any opinion solicitation forms received after the specified deadline or those that have been opened (in the case of mail) or disclosed (in the case of fax or email) are invalid. Opinion solicitation forms that are not submitted will be considered as abstentions.

5. The Board of Directors shall count the votes and prepare the vote counting minutes under the supervision of the Board of Supervisors or shareholders not holding management positions in the Corporation. The vote counting minutes must include the following key details:

a) Name, head office address, business registration number;

b) The purpose and issues for which opinions are solicited to pass the resolution;

c) The number of shareholders who participated in voting, with a breakdown of valid and invalid votes and the method of sending the votes, along with an appendix listing the shareholders who participated in the vote;

d) The total number of votes for, against, and abstentions for each issue;

e) The issues that were passed and the corresponding approval percentage;

f) The name, signature of the Chairman of the Board of Directors, the vote counters, and the supervisors of the vote counting. The members of the Board of Directors, the vote counters, and the supervisors of the vote counting must bear joint responsibility for the accuracy and integrity of the vote counting minutes and for any damages arising from resolutions passed due to inaccurate or dishonest vote counting.

6. The vote counting minutes and the adopted resolution must be sent to shareholders within fifteen (15) days from the completion of the vote counting. The minutes and resolution may also be posted on the Corporation's website within twenty-four (24) hours from the completion of the vote counting.

7. The completed opinion solicitation forms, vote counting minutes, adopted resolutions, and related documents sent along with the opinion solicitation forms must be kept at the Corporation's headquarters.

8. A resolution passed by obtaining shareholders' opinions in writing shall be valid if it is approved by shareholders representing more than 50% of the total voting shares of all shareholders entitled to vote and shall have the same effect as a resolution passed at the General Meeting of Shareholders.

Article 22. Resolutions and meeting minutes of the General Meeting of Shareholders

1. A meeting of the General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be recorded audibly or stored in another electronic form. The minutes must be prepared in Vietnamese, and may also be prepared in a foreign language, and must contain the following key information:

a) Name, head office address, business registration number;

b) Time and location of the General Meeting of Shareholders;

c) Meeting agenda and content of the meeting;

d) Names of the Chairman and the Secretary;

e) A summary of the meeting proceedings and the opinions expressed at the General Meeting of Shareholders regarding each issue in the agenda;

f) The number of shareholders and the total number of voting shares of the shareholders present, with an appendix listing the registered shareholders, their representatives, the number of shares, and the corresponding number of votes;

g) The total number of votes for each issue being voted on, specifying the voting method, the total number of valid and invalid votes, as well as the votes in favor, against, and abstentions; corresponding percentages of the total votes cast by shareholders attending the meeting;

h) The issues that were passed and the corresponding percentage of approval votes;

i) Names and signatures of the Chairman and the Secretary. If the Chairman or the Secretary refuses to sign the minutes, the minutes will still be valid if signed by all other members of the Board of Directors who attended the meeting, and if the content complies with the regulations in this clause. The minutes must specify the refusal of the Chairman or Secretary to sign.

2. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the end of the meeting. The Chairman, the Secretary, or any other person signing the minutes will be jointly responsible for the accuracy and truthfulness

of the contents of the minutes.

3. The minutes, whether in Vietnamese or a foreign language, have equal legal validity. In case of any discrepancies between the Vietnamese version and the foreign language version, the Vietnamese version shall prevail.

4. The resolutions, minutes of the General Meeting of Shareholders, the list of registered shareholders with their signatures, the authorization documents for attending the meeting, any attached documents (if any), and related documents must be publicly disclosed according to the regulations on information disclosure in the securities market and must be stored at the Corporation's headquarters.

Article 23. Request for annulment of the resolution of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the resolution or the minutes of the General Meeting of Shareholders, or the minutes of the vote-counting results of the General Meeting of Shareholders' written consultation, shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 2, Article 11 of this Charter shall have the right to request a Court or Arbitration body to review and annul the resolution or part of the resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. The order and procedures for convening the meeting and adopting the resolution of the General Meeting of Shareholders seriously violate the provisions of the Law on Enterprises and this Charter, except as provided in Clause 6, Article 20 of this Charter.

2. The contents of the resolution violate the law or this Charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 24. Nomination and candidacy of members of the Board of Directors

1. If the candidates for the Board of Directors have been identified, the Corporation must publicly disclose relevant information about the candidates at least ten (10) days before the opening of the General Meeting of Shareholders on the Corporation's official website so that shareholders can review the candidates before voting. The candidates for the Board of Directors must provide a written commitment about the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and commit to performing their duties honestly, carefully, and for the best interest of the Corporation if elected as a Board member. The information about candidates for the Board of Directors to be disclosed includes:

a) Full name, date of birth;

b) Professional qualifications;

c) Work history;

d) Other managerial positions (including Board positions in other companies);

e) Benefits related to the Corporation and its related parties;

f) Other information (if any) as stipulated in the Corporation's charter;

g) Public companies must disclose information about other companies where the

candidate holds Board positions, other managerial positions, and any interests related to the Corporation (if applicable).

2. Shareholders or groups of ordinary shareholders have the right to combine their voting rights to nominate candidates for the Board of Directors as follows: Shareholders or shareholder groups owning from 10% to less than 20% of the total voting shares can nominate one (01) candidate; from 20% to less than 30% of the total voting shares can nominate up to two (02) candidates; from 30% to less than 40% of the total voting shares can nominate up to four (04) candidates; from 40% to less than 50% of the total voting shares can nominate up to five (05) candidates; from 50% to less than 60% of the total voting shares can nominate up to six (06) candidates; from 60% to less than 70% of the total voting shares can nominate up to seven (07) candidates; from 70% to less than 80% of the total voting shares can nominate up to eight (08) candidates; and from 80% or more of the total voting shares can nominate up to nine (09) candidates.

3. If the number of candidates for the Board of Directors through nominations and elections still does not meet the required number as stipulated in Clause 1 of Article 25 of this Charter, the current Board of Directors must introduce additional candidates or organize further nominations as regulated by the Corporation's charter, internal governance regulations, and the Board of Directors' operational regulations. The introduction of additional candidates by the current Board of Directors must be clearly disclosed before the General Assembly votes to elect the members of the Board of Directors in accordance with the law.

4. Members of the Board of Directors must meet the standards and conditions specified in Clause 1 and Clause 2 of Article 155 of the Enterprise Law and may not simultaneously serve as members of the Board of Directors in more than five (05) other companies.

Article 25. Composition and term of members of the Board of Directors

1. The Board of Directors of the Corporation shall consist of a minimum of five (05) members and a maximum of nine (09) members. The specific number of members for each term shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

2. The term of a Board member shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms. However, an individual can only be elected as an independent Board member for a maximum of two consecutive terms. If all Board members' terms end simultaneously, those members shall continue as Board members until new members are elected to replace them and take over the work.

3. The composition of the Board of Directors is as follows:

The composition of the Board of Directors in a public Corporation must ensure that at least one-third (1/3) of the total number of Board members are non-executive members. The Corporation should limit the number of Board members who concurrently hold executive positions in the Corporation to ensure the Board's independence.

4. A Board member shall cease to be a Board member in the following cases:

a) The member no longer meets the qualifications to be a Board member as stipulated by the Enterprise Law, this Charter, or is legally prohibited from being a Board member;

b) The member submits a written resignation to the Corporation's headquarters, and it is accepted;

c) The member does not participate in Board activities for six (06) consecutive months without approval from the Board, and the Board decides that their position is vacant, except in cases of force majeure;

d) The Board member's civil capacity is restricted, or they lose their civil capacity, or there are difficulties in their ability to comprehend or control their actions, and other Board members have professional evidence to prove this;

e) The member is dismissed according to a resolution of the General Meeting of Shareholders;

f) The member provides false personal information when submitting their candidacy for the Board of Directors; g) Other cases as stipulated by law.

5. The appointment of Board members must be publicly disclosed according to the regulations on information disclosure in the securities market.

6. Board members are not required to be shareholders of the Corporation.

Article 26. Rights and duties of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Corporation, with full authority to act on behalf of the Corporation to make decisions, exercise the Corporation's rights, and fulfill its obligations, except for those rights and duties that fall under the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. The rights and duties of the Board of Directors are defined by law, the Corporation's Charter, and the General Meeting of Shareholders. Specifically, the Board of Directors has the following rights and duties:

a) Deciding on the strategy, medium-term development plan, and annual business plan of the Corporation;

b) Proposing the type of shares and the total number of shares of each type that can be offered for sale;

c) Deciding on the sale of unsold shares within the limit of shares authorized for sale of each type; deciding on other forms of capital raising;

d) Deciding on the sale price of the Corporation's shares and bonds;

e) Deciding on the buyback of no more than 10% of the total number of shares of each type sold within 12 months. In other cases, the buyback of shares is decided by the General Meeting of Shareholders; deciding on the buyback price. For common shares, the buyback price shall not exceed the market price at the time of buyback;

f) Deciding on investment plans and projects within its competence and according to legal limits;

g) Deciding on market development strategies, marketing, and technology solutions;

h) Approving contracts for purchasing, selling, borrowing, lending, and other contracts or transactions with a value equal to or greater than 35% of the total asset value as recorded in the latest financial report of the Corporation, except for contracts or transactions that fall under the General Meeting of Shareholders' authority as stipulated in point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Enterprise Law.

Approving contracts and transactions between the Corporation and the following related parties:

- Shareholders, representatives of shareholders who own more than 10% of the common shares of the Corporation, and their related parties;

- Members of the Board of Directors, the General Director, and their related parties;

- Enterprises in which members of the Board of Directors, Board of Supervisors, General Director, and other managers of the Corporation hold positions (must disclose the related interests according to the Enterprise Law).

i) Electing, dismissing, or removing the Chairman of the Board of Directors; appointing, dismissing, signing contracts with, and terminating contracts with the General Director and other key managers as specified in the Corporation's Charter; deciding on their salaries, allowances, bonuses, and other benefits; appointing authorized representatives to attend the Board or General Meeting of Shareholders in other companies, deciding on their remuneration and other benefits;

k) Supervising and directing the General Director and other managers in the daily operation of the Corporation;

l) Deciding on the Corporation's organizational structure, internal management regulations, establishing subsidiaries, branches, representative offices, and investing in or acquiring shares of other enterprises;

m) Reviewing the program and materials for the General Meeting of Shareholders, convening the meeting of the General Meeting of Shareholders, or taking a vote to approve resolutions;

n) Presenting the audited annual financial report to the General Meeting of Shareholders;

o) Proposing the annual dividend level and deciding on the interim dividend; deciding on the time and procedure for dividend payments or handling losses incurred during business operations;

p) Proposing the restructuring or dissolution of the Corporation; requesting the Corporation's bankruptcy;

q) Deciding on the issuance of the Board's operational regulations, internal governance regulations after being approved by the General Meeting of Shareholders;

deciding on the issuance of information disclosure regulations for the Corporation;

r) Other rights and duties as stipulated by the Enterprise Law, the Securities Law, other legal regulations, and the Corporation's Charter.

3. The Board of Directors must report the results of its activities to the General Meeting of Shareholders in accordance with the provisions of Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, which provides detailed guidelines for implementing certain provisions of the Securities Law.

Article 27. Remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Directors

1. The Corporation has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and performance.

2. Members of the Board of Directors are entitled to remuneration for their work and bonuses.

Remuneration for work is calculated based on the number of working days required to complete the member's duties and the daily remuneration rate. The Board of Directors estimates the remuneration for each member based on mutual agreement. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors are determined by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

3. The remuneration of each member of the Board of Directors is included in the Corporation's business expenses as stipulated by corporate income tax law, and it must be presented as a separate item in the Corporation's annual financial report. The General Meeting of Shareholders must be informed of this at the annual meeting.

4. A member of the Board of Directors holding an executive position or working in the subcommittees of the Board, or performing other tasks outside the regular duties of a Board member, may receive additional remuneration in the form of a lump sum, salary, commission, profit-sharing, or another form as decided by the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors are entitled to have all travel, accommodation, meals, and other reasonable expenses reimbursed, which they incur while fulfilling their responsibilities as Board members, including expenses incurred attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or Board subcommittees.

6. Members of the Board of Directors may be provided with liability insurance by the Corporation, with the approval of the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover liabilities arising from violations of the law or the Corporation's Charter.

Article 28. Chairman of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors is elected, dismissed, and removed by the Board of Directors from among its members.

2. The Chairman of the Board of Directors cannot concurrently hold the position of General Director.

3. The Chairman of the Board of Directors has the following rights and obligations:

a) Develop the program and work plan for the Board of Directors;

b) Prepare the agenda, content, and materials for meetings; convene, preside over, and chair Board meetings;

c) Organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d) Supervise the implementation of the resolutions and decisions of the Board of Directors;

e) Chair the meetings of the General Meeting of Shareholders;

f) Other rights and obligations as prescribed by the Law on Enterprises and the Corporation's Charter.

4. In case the Chairman of the Board of Directors submits a resignation letter or is dismissed or removed from office, the Board of Directors must elect a replacement within ten (10) days from the date of receiving the resignation letter or the decision on dismissal or removal.

5. In the case where the Chairman of the Board of Directors is absent or unable to perform their duties, they must delegate their rights and obligations in writing to another member according to the principles outlined in the Corporation's Charter. If no one is authorized, or if the Chairman of the Board of Directors passes away, goes missing, is temporarily detained, serving a prison sentence, undergoing administrative measures in a compulsory rehabilitation facility or a compulsory educational facility, escapes from residence, has their civil capacity restricted or lost, experiences difficulty in perception or control of actions, or is banned from holding a position or performing certain jobs by a court, the remaining members shall elect a new Chairman from among themselves based on the majority consent of the remaining members until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 29. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors is elected during the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the conclusion of the Board's election. This meeting is convened and chaired by the member with the highest number of votes or the highest voting percentage. In the case of a tie in the highest votes or percentage, the members will elect one person by majority to convene the Board meeting.

2. The Board of Directors must meet at least once every quarter and may hold extraordinary meetings.

3. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board in the following cases: a) At the request of the Board of Supervisors or an independent member of the Board of Directors; b) At the request of the General Director or at least five (05) other executives; c) At the request of at least two (02) members of the Board of Directors.

4. Requests specified in Clause 3 of this Article must be made in writing, stating the purpose, the issues to be discussed, and decisions that fall under the authority of the Board of Directors.

5. The Chairman of the Board of Directors must convene a meeting of the Board within seven (07) working days from the date of receiving the request specified in Clause 3. If the Chairman fails to convene the meeting, they will be held responsible for any damage to the Corporation, and the requesting party has the right to replace the Chairman in convening the meeting.

6. The Chairman of the Board or the person who convenes the meeting must send out the notice of the meeting at least three (03) working days before the meeting date. The notice must specify the time, location, agenda, and issues for discussion and decision. The notice must include the materials for the meeting and the voting ballots for members.

The notice can be sent by invitation letter, phone, fax, electronic means, or other methods as prescribed by the Corporation's Charter, ensuring it reaches the contact address of each Board member registered with the Corporation.

7. The Chairman of the Board or the person convening the meeting must send the meeting notice and accompanying materials to the members of the Board of Supervisors in the same manner as to the Board members. Members of the Board of Supervisors have the right to attend Board meetings, discuss but cannot vote.

8. A meeting of the Board of Directors is valid when at least 3/4 of the total members are present. If the meeting convened as prescribed in this Clause does not meet the required quorum, it must be reconvened within seven (07) days from the intended date of the first meeting. In this case, the meeting is valid if more than half (1/2) of the Board members are present.

9. A Board member is considered to have attended and voted at the meeting in the following cases:

a) Attending and voting in person at the meeting;

b) Authorizing another person to attend and vote according to Clause 11 of this Article;

c) Attending and voting through online meetings, electronic voting, or other electronic means;

d) Sending the voting ballot to the meeting via mail, fax, or email;

e) Sending the voting ballot by other means as prescribed in the Corporation's Charter.

10. If sending a voting ballot to the meeting by mail, the ballot must be enclosed in a sealed envelope and delivered to the Chairman of the Board no later than 01 hour before the meeting begins. The ballot shall only be opened in the presence of all attendees.

11. Members must attend all Board meetings. A member may authorize another

person to attend the meeting and vote if approved by the majority of the Board members.

12. A resolution or decision of the Board of Directors is adopted if approved by the majority of members present. In case of a tie, the final decision will be made according to the opinion of the Chairman of the Board of Directors.

Article 30. Subcommittees of the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish subcommittees to handle matters such as development policies, personnel, compensation, internal auditing, and risk management. The number of members of each subcommittee is decided by the Board, with a minimum of three (03) members, including Board members and external members. Independent Board members/non-executive Board members must make up the majority of the subcommittee, and one of these members will be appointed as the Head of the subcommittee by the Board of Directors. The operations of the subcommittee must comply with the regulations of the Board of Directors. The subcommittee's resolutions are only valid when approved by the majority of the attending members at the subcommittee's meeting.

2. The execution of decisions made by the Board of Directors or its subcommittees must be in compliance with current legal regulations and the provisions in the Corporation's Charter and internal governance rules.

Article 31. Person in charge of corporate governance

1. The Board of Directors of the Corporation must appoint at least one (01) person in charge of corporate governance to assist in the governance of the Corporation. The person in charge of corporate governance may concurrently serve as the Corporation Secretary according to Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. The person in charge of corporate governance must not simultaneously work for an approved auditing firm conducting audits on the financial statements of the Corporation.

3. The person in charge of corporate governance has the following rights and responsibilities:

a) Advise the Board of Directors in organizing the General Meeting of Shareholders in accordance with regulations and handling matters related to the Corporation and its shareholders;

b) Prepare meetings of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the General Meeting of Shareholders as required by the Board of Directors or the Board of Supervisors;

c) Advise on the procedures for meetings;

d) Attend meetings;

e) Advise on the procedures for the adoption of resolutions by the Board of Directors in compliance with legal regulations;

f) Provide financial information, copies of meeting minutes of the Board of Directors, and other information to the members of the Board of Directors and Board of Supervisors;

g) Supervise and report to the Board of Directors on the Corporation's information disclosure activities;

h) Serve as a contact point with interested parties;

i) Maintain confidentiality of information according to legal regulations and the Corporation's Charter;

k) Other rights and duties as stipulated by law and the Corporation's Charter.

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 32. Organizational structure of the management apparatus

The management system of the Corporation must ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and is under the supervision and direction of the Board of Directors in the daily business operations of the Corporation. The Corporation has a General Director, Deputy General Directors, Executive Director, Chief Accountant, and other managerial positions as appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal, or removal of these positions must be approved by a resolution or decision of the Board of Directors.

Article 33. Executives of the Corporation

1. Executives of the Corporation include the General Director, Deputy General Directors, Executive Director, Chief Accountant, and other executives as defined in the Corporation's Charter.

2. Upon the proposal of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Corporation can hire additional executives with a number and qualifications suitable for the Corporation's organizational structure and management regulations set by the Board of Directors. Executives are responsible for assisting the Corporation in achieving its operational and organizational goals.

3. The General Director receives a salary and bonus, which are determined by the Board of Directors.

4. The salary of the executive is considered a business expense for the Corporation according to corporate income tax laws and must be presented as a separate item in the Corporation's annual financial report. This must also be reported at the annual General Meeting of Shareholders.

Article 34. Appointment, dismissal, duties and powers of the General Director

1. The Board of Directors appoints one (1) member of the Board of Directors or hires another person to be the General Director; a contract is signed that stipulates salary, compensation, benefits, and other relevant terms. Information on the salary, allowances, and benefits of the General Director must be reported at the Annual General Meeting of Shareholders and included in the Corporation's Annual Report.

2. The General Director is responsible for managing the daily business operations

of the Corporation and is subject to supervision by the Board of Directors. The General Director is accountable to the Board of Directors and to the law for the implementation of the assigned rights and duties.

3. The term of office for the General Director is no more than five (5) years, and they can be reappointed with no limit on the number of terms. The General Director must meet the standards and conditions as stipulated by the law and the Corporation's Charter.

4. Standards for the General Director:

a) Must have full legal capacity and not be prohibited from managing an enterprise as per the Law on Enterprises;

b) Must be in good health, honest, reputable, and ethical;

c) Must have at least three (3) years of experience in business management in the key industries of the Corporation;

d) Must have business and management capabilities;

e) Must understand and comply with the law;

f) Must not be a family member (spouse, biological parent, adoptive parent, biological child, adopted child, siblings, brother-in-law, sister-in-law) of the Corporation's management, Board of Supervisors members, representatives of state capital, or other related persons in the Corporation and its parent company.

5. The General Director has the following rights and responsibilities:

a) Decide on issues related to the Corporation's daily business operations that are not under the authority of the Board of Directors;

b) Implement the resolutions and decisions of the Board of Directors;

c) Organize the execution of the Corporation's business plans and investment strategies;

d) Propose organizational structure adjustments and internal management regulations for the Corporation;

e) Appoint, dismiss, and remove managerial positions within the Corporation, except for positions within the Board of Directors' authority;

f) Decide on salaries and benefits for employees in the Corporation, including those in management positions under the General Director's authority;

g) Hire staff;

h) Propose dividend distribution or address business losses;

i) Other rights and responsibilities as per the law, the Corporation's regulations, and the resolutions or decisions of the Board of Directors.

6. The Board of Directors can dismiss the General Director when the majority of voting members of the Board of Directors agree and appoint a new General Director.

IX. BOARD OF SUPERVISORS

Article 35. Nomination and candidacy of members of the Board of Supervisors (Supervisors)

1. Nomination Process: Shareholders or groups of common shareholders have the right to combine their voting rights to nominate candidates for the Board of Supervisors. Specifically: Shareholders or groups owning from 10% to under 20% of the total voting shares can nominate one (01) candidate; Shareholders or groups owning from 20% to under 40% of the total voting shares can nominate up to two (02) candidates; Shareholders or groups owning from 40% to under 60% of the total voting shares can nominate three (03) candidates; Shareholders or groups owning from 60% to under 80% of the total voting shares can nominate up to four (04) candidates; Shareholders or groups owning 80% or more of the total voting shares can nominate up to five (05) candidates.

2. Additional Nominations: If the number of candidates nominated by shareholders or through self-nomination is insufficient, the incumbent Board of Supervisors may propose additional candidates or organize nominations in accordance with the Corporation's Charter, internal governance regulations, and the Board of Supervisors's operational regulations. Any additional candidates introduced by the incumbent Board of Supervisors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes to elect members of the Board of Supervisors in accordance with the law.

Article 36. Composition of the Board of Supervisors

1. Number of Members: The Board of Supervisors of the Corporation shall consist of three (03) to five (05) members. The exact number of members for each term shall be decided by the General Meeting of Shareholders. The term of office of a Board of Supervisors member shall not exceed five (05) years and may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Qualifications of Members: Members of the Board of Supervisors must meet the standards and conditions specified in Article 169 of the Enterprise Law and must not fall into the following categories:

a) Work in the accounting or finance department of the Corporation.

b) Be a member or employee of an independent auditing firm that has audited the Corporation's financial statements for the past three (03) consecutive years.

3. Disqualification of Board of Supervisors Members: A member of the Board of Supervisors shall be disqualified in the following cases:

a) Failing to meet the standards and conditions for being a member of the Board of Supervisors as specified in Clause 2, Article 36.

b) Submitting a resignation letter that is accepted.

c) The member is prohibited by law from being a member of the Board of Supervisors.

d) Other cases as prescribed by law.

4. Dismissal of Board of Supervisors Members: A member of the Board of

Supervisors shall be dismissed in the following cases:

a) Failure to complete assigned tasks and duties.

b) Failure to perform their rights and obligations for six (06) consecutive months without the approval of the Head of the Board of Supervisors, and the Board of Supervisors decides that the position is vacant, except in cases of force majeure.

c) Repeated violations or serious violations of the duties of a Board of Supervisors member as prescribed by the Enterprise Law and the Corporation's Charter.

d) The member has their civil capacity restricted or loses their civil capacity, has difficulty in perception, or self-control of actions, and other Board of Supervisors members present professional evidence for this condition.

e) The member resigns in writing and sends a resignation letter to the Corporation's headquarters.

f) Other cases as decided by the General Meeting of Shareholders.

Article 37. Head of the Board of Supervisors

1. Election and Term: The Head of the Board of Supervisors shall be elected from among the members of the Board of Supervisors; the election, dismissal, or removal shall follow the principle of majority vote. The Board of Supervisors must have more than half of its members residing in Vietnam. The Head of the Board of Supervisors must hold a university degree or higher in one of the following fields: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or other fields related to the Corporation's business operations.

2. Rights and Responsibilities of the Head of the Board of Supervisors:

a) Call meetings of the Board of Supervisors.

b) Request the Board of Directors, the General Director, and other executives to provide relevant information to report to the Board of Supervisors.

c) Prepare and sign the report of the Board of Supervisors after consulting the Board of Directors to present it to the General Meeting of Shareholders.

d) Other rights and obligations as prescribed by law and the Corporation's Charter.

Article 38. Rights and responsibilities of the Board of Supervisors

The Board of Supervisors has the rights and responsibilities prescribed in Article 170 of the Enterprise Law and the following additional rights and responsibilities:

1. Propose and recommend the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing organizations to audit the financial statements of the Corporation; decide on the approved auditing organization to inspect the Corporation's operations, and remove an approved auditor when deemed necessary.

2. Take responsibility before shareholders for its supervisory activities.

3. Supervise the financial situation of the Corporation and ensure compliance with the law in the activities of members of the Board of Directors, the General

Director, and other managers.

4. Ensure coordination of activities with the Board of Directors, the General Director, and shareholders.

5. In the event of detecting legal violations or breaches of the Corporation's Charter by a member of the Board of Directors, the General Director, or other executives, the Board of Supervisors must notify the Board of Directors in writing within 48 hours, requesting the violator to cease the violation and provide corrective measures.

6. Draft the operational regulations of the Board of Supervisors and present them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. Report to the General Meeting of Shareholders as prescribed in Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, by the Government, which details the implementation of certain provisions of the Securities Law.

8. Have the right to access the Corporation's records and documents kept at the headquarters, branches, and other locations; have the right to visit the workplace of the Corporation's managers and employees during business hours.

9. Have the right to request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers to provide complete, accurate, and timely information and documents regarding the Corporation's management, operation, and business activities.

10. Other rights and responsibilities as prescribed by law and this Charter.

Article 39. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors must meet at least twice (02) per year, with a minimum attendance of two-thirds (2/3) of its members. Meeting minutes must be recorded in detail and clarity. The minute-taker and all attending Board of Supervisors members must sign the meeting minutes. These minutes must be retained to determine the responsibilities of each Board of Supervisors member.

2. The Board of Supervisors has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of the approved auditing organization to attend meetings and provide clarifications on necessary matters.

Article 40. Salaries, remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Supervisors

1. Members of the Board of Supervisors shall be entitled to salaries, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall determine the total amount of salaries, remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget for the Board of Supervisors.

2. Members of the Board of Supervisors shall be reimbursed for meals, accommodation, transportation, and the use of independent consulting services at a reasonable rate. The total amount of such remuneration and expenses shall not exceed the annual operating budget approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

3. Salaries and operating expenses of the Board of Supervisors shall be included in the business expenses of the Corporation in accordance with regulations on corporate income tax and other relevant legal provisions. These expenses must be recorded as a separate item in the annual financial statements of the Corporation.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives shall be responsible for performing their duties including duties as members of subcommittees of the Board of Directors with honesty and prudence, in the best interests of the Corporation.

Article 41. Duty of honesty and avoidance of conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers must publicly disclose relevant interests in accordance with the Law on Enterprises and related legal documents.

2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons may only use information obtained through their positions for the benefit of the Corporation.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers are obligated to notify the Board of Directors or the Board of Supervisors in writing of transactions between the Corporation, its subsidiaries, or other companies controlled (over 50% ownership) by the public company and themselves or their related persons, in accordance with the law. For transactions subject to approval by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Corporation must disclose information on such resolutions in accordance with securities laws on information disclosure.

4. Members of the Board of Directors are not allowed to vote on transactions that bring benefits to themselves or their related persons, as prescribed by the Law on Enterprises and the Corporation's Charter.

5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons are prohibited from using or disclosing internal information to others for related transactions.

6. Transactions between the Corporation and one or more members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, or individuals/organizations related to these parties shall not be invalidated in the following cases:

a) For transactions valued at less than or equal to 35% of the total assets recorded in the most recent financial statement, if the essential contents of the contract or transaction as well as the relationships and interests of the involved parties have been reported to the Board of Directors and approved by a majority vote of disinterested members of the Board.

b) For transactions valued at more than 35%, or transactions that result in a cumulative value exceeding 35% within 12 months from the date of the first transaction, the essential contents of such transaction, as well as the relationships and interests involved, must be disclosed to shareholders and approved by the General

Meeting of Shareholders through votes from disinterested shareholders.

Article 42. Liability for damages and compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives who breach their duties of honesty and prudence, or fail to fulfill their obligations, shall be held liable for any damages caused by their violations.

2. The Corporation shall indemnify individuals who are, were, or may become parties involved in complaints, lawsuits, or prosecutions (including civil and administrative cases, excluding those initiated by the Corporation itself), if such individuals are or were members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives acting on behalf of the Corporation, and have acted honestly, prudently, in the Corporation's best interests, in accordance with the law, and there is no evidence that they have breached their duties.

3. The indemnity shall cover judgment costs, penalties, actual payments (including legal fees) incurred in the resolution of such matters within the legal framework. The Corporation may purchase insurance for these individuals to cover the liabilities mentioned above.

XI. RIGHT TO INSPECT THE CORPORATION'S BOOKS AND RECORDS

Article 43. Right to inspect books and records

1. Common shareholders have the right to inspect books and records as follows:

a) Common shareholders have the right to review, inspect, and extract information regarding the name and contact address in the list of shareholders with voting rights; request corrections of their inaccurate information; review, inspect, extract, or copy the Corporation's Charter, minutes of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders.

b) A shareholder or group of shareholders holding 5% or more of the total number of common shares has the right to review, inspect, and extract minutes, resolutions, and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts, transactions subject to Board of Directors' approval, and other documents, except those related to trade secrets and business secrets of the Corporation.

2. In the event a representative authorized by a shareholder or group of shareholders requests to inspect books and records, a power of attorney from the shareholder or group of shareholders, or a certified copy thereof, must be provided.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives have the right to inspect the Corporation's register of shareholders, list of shareholders, and other books and records of the Corporation for purposes related to their duties, provided that such information must be kept confidential.

4. The Corporation must retain this Charter and its amendments, the Enterprise Registration Certificate, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Board of Supervisors,

annual financial statements, accounting books, and other documents as prescribed by law at the head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are notified of the storage location.

5. The Corporation's Charter must be published on the Corporation's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNION

Article 44. Employees and Trade Union

1. The General Director shall prepare plans for submission to the Board of Directors for approval on matters related to recruitment, termination of employment, salaries, social insurance, benefits, rewards, and disciplinary actions applicable to employees and enterprise executives.

2. The General Director shall also prepare plans for submission to the Board of Directors for approval on matters related to the Corporation's relationship with trade union organizations, in accordance with best practices, governance standards and policies, the provisions of this Charter, the Corporation's internal regulations, and current laws.

3. The Board of Directors and the General Director shall facilitate employees' access to information, participation in discussions, decision-making, and supervision of matters related to their rights, benefits, obligations, and responsibilities. They shall also enable political and socio-political organizations within the Corporation to operate in accordance with the law to ensure the democratic rights of employees. A harmonious and stable labor relationship shall be maintained to prevent and limit labor disputes during business operations.

4. The Board of Directors, the General Director, managers, and employees are obliged to comply with labor contracts, collective labor agreements, the Corporation's internal rules and regulations, and relevant legal provisions concerning the rights and obligations of both managers and employees.

5. Employees have the right to monitor the implementation of policies and regulations related to their lawful and legitimate rights and obligations in accordance with the law and the Corporation's democratic regulations.

Employees have the right to join political organizations, socio-political organizations, and professional associations in accordance with the law.

6. The Corporation's Trade Union shall be organized and operate in accordance with the Charter of the Vietnam Trade Union. It is the representative body that protects the lawful rights and interests of individual employees and the collective workforce. It is responsible for ensuring employees' rights to access information, participate in discussions, monitor, inspect, and make decisions on matters directly related to them. The Chairperson of the Corporation's Trade Union or a representative authorized by the Corporation's Trade Union Executive Committee shall be invited to attend the General Meeting of Shareholders and may express opinions on matters related to the legitimate rights and interests of the employees.

7. Every year, the Board of Directors, the General Director, and the management are responsible for coordinating with the Trade Union Executive Committee to organize the Corporation's Employee Conference. The main agenda of this conference

is to discuss solutions to implement the business and production targets approved by the General Meeting of Shareholders; evaluate the implementation of the collective labor agreement, the Corporation's internal rules and regulations, and other matters related to the legitimate rights and interests of employees.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 45. Profit distribution

The annual after-tax profit (accounting profit) shall be distributed as follows:

1. Distribute profits to the associated capital contributors according to the provisions of the signed economic contract (if any).

2. Offset the losses of previous years.

3. The remaining profit (after deducting the items specified in clauses 1 and 2 of this Article) shall be distributed as follows:

a) Allocate to the development investment fund;

b) Allocate to the reward and welfare fund;

c) Allocate to the management reward for the executive management team and representatives of the Corporation's capital in other enterprises;

d) Dividend distribution;

e) Allocate to other funds and/or carry forward to the next year (if any).

4. Profit distribution through dividend payments shall be carried out as follows:

a) The General Meeting of Shareholders shall decide the dividend payment rate and form of payment annually from the retained earnings of the Corporation.

b) The Board of Directors may decide to advance interim dividends if it is considered appropriate in line with the Corporation's profitability.

c) The Corporation shall not pay interest on any funds used for dividend payments or other payments related to a specific type of shares.

d) The Board of Directors may propose to the General Meeting of Shareholders to approve the payment of dividends in whole or in part in the form of shares, and the Board of Directors shall implement this decision.

e) In the case that dividends or other payments related to a specific type of shares are paid in cash, the Corporation shall pay in Vietnamese dong. Payments may be made directly or through banks based on the bank account details provided by the shareholder. If the Corporation has transferred the money according to the account information provided by the shareholder and the shareholder does not receive the money, the Corporation shall not be responsible for the amount transferred to that shareholder. Dividend payments for listed or registered shares at the stock exchange can be made through a securities Corporation or Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

f) Based on the Enterprise Law and Securities Law, the Board of Directors shall pass a resolution to determine a specific date for closing the shareholder list. Based on this date, shareholders or holders of other securities who are registered shall have the

right to receive dividends in cash or shares, as well as notifications or other documents.

5. Other issues related to profit distribution shall be carried out in accordance with the provisions of the law.

Article 46. Handling in case of business losses

In the event that the Corporation incurs business losses, the General Meeting of Shareholders may decide to resolve the situation promptly according to the following two options:

- Allocate reserves to offset the losses.

- Carry forward a portion of the losses to the next year, while the General Meeting of Shareholders decides on corrective measures.

XIV. DEPENDENT UNITS, SUBSIDIARIES, AND ASSOCIATED COMPANIES OF THE CORPORATION

Article 47. Dependent units, subsidiaries, and associated companies

The Corporation has dependent accounting units, subsidiary companies, and affiliate companies at the time of approval of the Charter, as listed in Appendix 01 attached to this Charter.

Article 48. Relationship between the Corporation and dependent units

The dependent units of the Corporation shall implement the system of delegation for business operations, accounting, and organization of personnel in accordance with the Management and Operational Regulations for Dependent Accounting Units, which are developed by the General Director and submitted to the Board of Directors for approval. The Corporation is responsible for the financial obligations arising from the commitments of the dependent accounting units.

The dependent accounting units of the Corporation have the right to operate autonomously in business activities according to the delegation from the Corporation, while being bound by obligations and benefits toward the Corporation. These dependent accounting units may have their own seals as per regulations; they can enter into economic contracts under the authorization of the General Director and actively carry out business and financial activities as per the Corporation's delegation. The powers and duties of these dependent units are specified in the Regulations on the Organization and Operations of these units.

Article 49. Rights and obligations of the Corporation with respect to Subsidiary Companies

1. The Corporation exercises the rights, obligations, and responsibilities of a shareholder or a controlling member, investor at the subsidiary company according to the laws and the Charter of the subsidiary company.

2. The Corporation directly manages the controlling shares, capital contributions at subsidiary companies through the person directly managing the Corporation's capital in these subsidiary companies (hereinafter referred to as the Capital Representative).

3. The Corporation has the following key rights and obligations:

a) Appoint, dismiss, reward, discipline, approve allowances and benefits of the person directly managing the controlling capital contribution;

b) Request the Capital Representative to report periodically or upon request in writing on the financial situation, business results, and other matters of the subsidiary company;

c) Assign tasks and require the Capital Representative to obtain written approval for important issues before voting at the subsidiary companies; report on the use of controlling shares or capital contributions to serve the development orientation and objectives of the Corporation;

d) Receive profits and bear the risks from its capital contributions in subsidiary companies;

e) Be responsible for the effective use, preservation, and development of its capital contributions in subsidiary companies.

4. Financial statements of the Corporation and Subsidiary Companies:

a) At the end of the fiscal year, in addition to the reports and documents required by law, the Corporation must also prepare the following reports: Consolidated financial statements of the group consisting of the Corporation and its subsidiary companies in accordance with the accounting law; Annual consolidated business performance reports of the Corporation group and subsidiary companies; Consolidated management and operational reports of the Corporation group and subsidiary companies.

b) The person responsible for preparing the reports stated in point a of this section shall not prepare and submit those reports if the financial statements of the subsidiary companies have not been received in full.

c) Upon request by the legal representative of the Corporation, the legal representative of the subsidiary company must provide necessary reports, documents, and information as required to prepare the consolidated financial statements and the consolidated report of the Corporation group and subsidiary companies.

d) In case the Corporation's management knows or suspects that the reports prepared and submitted by the subsidiary company contain incorrect or fraudulent information, they may use those reports to prepare the consolidated financial statements and the consolidated report for the Corporation group and subsidiary companies.

e) In cases where the Corporation's management has taken necessary measures within its authority but still fails to receive the necessary reports, documents, and information as required from the subsidiary company, the management of the Corporation shall still prepare and submit the consolidated financial statements and the consolidated report of the Corporation group. These reports may or may not include information from the subsidiary company but must include necessary explanations to avoid misunderstanding or misinterpretation.

f) The financial reports, annual financial settlement documents of the Corporation, subsidiary companies, and the consolidated financial statements, consolidated reports of the entire Corporation group and subsidiary companies must be

kept at the Corporation's headquarters. Copies of the reports and documents specified in this section must be available at the Corporation's branches in Vietnam.

g) For subsidiary companies, in addition to the reports and documents required by law, they must also prepare and submit consolidated reports on purchases, sales, and other transactions with the Corporation.

Article 50. Rights and obligations of the Corporation with Associated Companies

1. The associated company is established, organized, and operates in accordance with the relevant legal provisions applicable to its legal form.

2. The Corporation appoints a representative to exercise the rights and obligations of the shareholder, member, or partner in the associated company according to the company's charter or to perform duties, powers, and responsibilities as stipulated in the association agreement.

Article 51. Naming, use of names, and trademarks of the Corporation (NATEXCO); (NAM DINH TEXTILE GARMENT)

The names of the subsidiaries: After the name of each company, the phrase "Nam Dinh Textile Garment" must be added to align with the Corporation's name, reflecting the industry and culture of the Corporation. The trading name must represent the Corporation's trademark according to the unified regulations issued by the Corporation's Board of Directors. This regulation is also reflected in transaction documents, envelopes, signage, and decorations at meetings.

The use of NATEXCO's trademark by subsidiaries or associated companies must be approved by the Corporation's Board of Directors and based on a specific contract between the two parties.

Article 52. Standards and conditions for the representative of the Corporation's capital in subsidiaries and associated companies

1. The representative of the Corporation's capital must meet the following standards and conditions:

a) Must be a Vietnamese citizen, residing in Vietnam, of legal working age as prescribed by law;

b) Must have full civil legal capacity, legal knowledge, and comply with the law;

c) Must have good ethical conduct and political qualities;

d) Must have adequate health to carry out the responsibilities;

e) Must have a university degree or higher, relevant professional qualifications, work experience, and business and management capabilities;

f) Must not be under sentence, under investigation by judicial authorities, or fall under any legal prohibition against holding managerial or executive positions in enterprises.

2. Representatives who run for election to the Board of Directors, the Members' Council, the Chairman, the Director, or the General Director of an enterprise with investment from the Corporation, where they are directly responsible for managing the

capital contribution, must meet the standards and conditions as prescribed by law and the enterprise's charter.

Article 53. Rights, obligations, and benefits of the Corporation's capital representative in subsidiaries and associated companies

1. The Representative of the Corporation's capital has the following rights and obligations:

a) Represent the Corporation in performing the duties and powers of a shareholder, capital contributor, or joint venture party at a Subsidiary or Associate. Be responsible for using the rights of a shareholder or member with a controlling capital contribution to guide the Subsidiary in implementing the strategy and goals of the Corporation;

b) Participate in running for election to the management and operation apparatus of a Subsidiary or Associate in accordance with the provisions of the Charter of that enterprise and the guidance of the Corporation;

c) Monitor and supervise the business performance of the Subsidiary or Associate;

d) Implement the reporting regime (in writing) to the Board of Directors and the General Director on the effectiveness of the use of capital contribution;

e) Seek opinions (in writing) from the Board of Directors and the General Director according to the hierarchy before participating in voting at the General Meeting of Shareholders, at the meeting of the Board of Directors or the Board of Members of the subsidiary corporation on: directions, strategies, business plans; amending and supplementing the Charter; increasing and decreasing charter capital; distributing profits; selling assets of great value, etc.;

f) Be responsible to the Board of Directors of the Corporation for managing the capital contribution and the effectiveness of using the Corporation's capital contribution at the Company assigned to directly manage the capital contribution. In case of not implementing the reporting regime as prescribed, taking advantage of the right to represent the capital contribution, being irresponsible and causing damage to the Corporation and the owner's representative, they must be responsible and compensate for the damage according to the provisions of law and the Financial Regulations of the Corporation.

g) Exercise other rights and obligations according to the Regulations on Management of the Corporation's Capital Representative at the Enterprise.

2. The representative of the Corporation's capital is entitled to salary, bonus or remuneration, responsibility allowance... according to the Decision of the Board of Directors of that Company and according to the Regulations on Management of the Representative of the Corporation's capital at the enterprise.

XV. BANK ACCOUNTS, FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING REGIME

Article 54. Bank accounts

1. The Corporation shall open accounts at Vietnamese banks or at foreign bank branches licensed to operate in Vietnam.

2. With prior approval from competent authorities, if necessary, the Corporation may open bank accounts abroad in accordance with the provisions of law.

3. The Corporation shall conduct all payments and accounting transactions through Vietnamese or foreign currency accounts at banks where the Corporation opens accounts.

Article 55. Financial year

The Corporation's financical year shall begin on January 1 of each year and end on December 31 of each year.

Article 56. Accounting regime

1. The accounting regime used by the Corporation is the enterprise accounting regime (VAS) or a special accounting regime issued and approved by a competent authority.

2. The Corporation shall prepare accounting books in Vietnamese and keep accounting records in accordance with the provisions of the law on accounting and related laws. These records must be accurate, up-to-date, systematic and sufficient to demonstrate and explain the transactions of the Corporation.

3. The Corporation shall use the Vietnamese Dong as the accounting currency. In case the Corporation has economic transactions arising mainly in one foreign currency, it may freely choose that foreign currency as the accounting currency, be responsible for that choice before the law and notify the direct tax management agency.

XVI. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES

Article 57. Annual, semi-annual and quarterly financial statements

1. The Corporation must prepare annual financial statements and the annual financial statements must be audited in accordance with the provisions of law. The Corporation shall publish the audited annual financial statements in accordance with the provisions of law on information disclosure on the stock market and submit them to the competent state agency.

2. The annual financial statements must include all reports, appendices and explanations in accordance with the provisions of law on enterprise accounting. The annual financial statements must honestly and objectively reflect the operation of the Corporation.

3. The Corporation must prepare and publish the audited semi-annual financial statements and quarterly financial statements in accordance with the provisions of law on information disclosure on the stock market and submit them to the competent state agency.

4. The Corporation's annual, semi-annual and quarterly financial statements must be published on the Corporation's website.

Article 58. Annual Report

The Corporation must prepare and publish the Annual Report in accordance with the provisions of the law on securities and the securities market.

XVII. AUDIT OF THE CORPORATION

Article 59. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing company or approve a list of independent auditing companies and authorize the Board of Directors to decide on one of these units to audit the financial statements of the Corporation for the following fiscal year based on the terms and conditions agreed with the Board of Directors.

2. The audit report shall be attached to the annual financial statements of the Corporation.

3. The independent auditor performing the audit of the financial statements of the Corporation shall attend the General Meeting of Shareholders and shall be entitled to receive notices and other information related to the General Meeting of Shareholders and to express opinions at the meeting on matters related to the audit of the financial statements of the Corporation.

XVIII. ENTERPRISE SEAL

Article 60. Enterprise seal

1. Seal includes seal made at a seal engraving facility or seal in the form of a digital signature in accordance with the provisions of the law on electronic transactions.

2. The Board of Directors shall decide on the type, quantity, form and content of the seal of the Corporation, branches and representative offices of the Corporation (if any).

3. The Board of Directors and the General Director shall use and manage the seal in accordance with the provisions of current law.

XIX. DISSOLUTION OF THE CORPORATION

Article 61. Dissolution of the Corporation

1. The Corporation may be dissolved in the following cases:

a) The term of operation stated in the Corporation's Charter expires without a decision to extend it;

b) According to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;

c) The Certificate of Business Registration is revoked, unless otherwise provided for by the Law on Tax Administration;

d) Other cases as prescribed by law.

2. The dissolution of the Corporation before the term (including the extended term) is decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by the Board of Directors. This dissolution decision must be notified or approved by a competent authority (if required) as prescribed.

Article 62. Extension of operation

1. The Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders at least seven (07) months before the end of the term of operation so that shareholders can vote on the extension of the Corporation's operation upon the proposal of the Board of Directors.

2. The term of operation shall be extended when the number of shareholders

representing 65% or more of the total number of votes of all shareholders attending the General Meeting of Shareholders approve.

Article 63. Liquidation

1. At least six (06) months before the end of the Corporation's term of operation or after the decision to dissolve the Corporation is made, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members, of which two (02) members are appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member is appointed by the Board of Directors from an (01) independent auditing company. The Liquidation Committee shall prepare its own operating regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Corporation's employees or independent experts. All expenses related to the liquidation shall be paid by the Corporation prior to other debts of the Corporation.

2. The Liquidation Committee shall be responsible for reporting to the Business Registration Authority on the date of establishment and the date of commencement of operation. From that time on, the Liquidation Committee shall represent the Corporation in all matters related to the liquidation of the Corporation before the Court and administrative agencies.

3. The proceeds from the liquidation shall be paid in the following order:

a) Liquidation expenses;

b) Debts of wages, severance pay, social insurance and other benefits of employees according to the collective labor agreement and signed labor contracts;

c) Tax debts;

d) Other debts of the Corporation;

e) The remaining amount after paying all debts from items (a) to (d) above shall be distributed to shareholders. Preferred shares shall be paid first.

XX. RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES

Article 64. Resolution of internal disputes

1. In case of disputes or complaints arising related to the operations of the Corporation, the rights and obligations of shareholders as prescribed in the Law on Enterprises, the Charter of the Corporation, other legal provisions or agreements between:

a) Shareholders and the Corporation;

b) Shareholders and the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director or other executives;

The relevant parties shall attempt to resolve such disputes through negotiation and conciliation. Except for disputes related to the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, the Chairman of the Board of Directors shall preside over the resolution of the dispute and request each party to present information related to the dispute within fifteen (15) working days from the date the dispute arises. In case of a dispute involving the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors,

of Directors, any party may request or appoint an independent expert to act as a mediator for the dispute resolution process.

2. In case no conciliation decision is reached within six (06) weeks from the start of the conciliation process or if the conciliation decision is not accepted by the parties, a party may refer the dispute to Arbitration or Court.

3. The parties shall bear the costs related to the negotiation and conciliation procedures. Payment of court costs shall be made according to the Court's judgment.

XXI. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Article 65. Amendments and Supplements to the Corporation's Charter

1. Amendments and supplements to this Charter must be considered and decided by the General Meeting of Shareholders.

2. In case the law has provisions related to the Corporation's operations that have not been mentioned in this Charter or in case there are new legal provisions that are different from the provisions in this Charter, those provisions shall be applied to regulate the Corporation's operations.

XXII. EFFECTIVE DATE

Article 66. Effective date

1. This Charter consists of 22 Sections and 66 Articles, unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of Nam Dinh Textile Garment Joint Stock Corporation on April 24, 2025.

2. The Charter is made in ten (10) copies, of equal value, and must be kept at the headquarters of the Corporation and submitted to State management agencies and relevant units as prescribed.

3. This Charter is the sole and official charter of the Corporation.

4. Copies or extracts of the Corporation's Charter are valid when signed by the Chairperson of the Board of Directors or the Legal Representative of the Corporation or at least one-half (1/2) of the total number of members of the Board of Directors./.

CORP'S LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY NAM ĐỊNH

Vu Ngoc Tuan

Appendix No. 1.

LIST

OF DEPENDENT UNITS, SUBSIDIARIES, ASSOCIATED COMPANIES OF NAM DINH TEXTILE GARMENT JOINT STOCK CORPORATION

(At the time of promulgation of the Charter in April 2025)

1. Dependent units (Business locations, Branches):

- Nhà máy Sợi Tô Hiệu
- Nhà máy Sợi Hòa Xá
- Nhà máy Nhuộm
- Nhà máy Động lực
- Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Đời sống
- Chi nhánh Tổng công ty CP Dệt May Nam Định (tại Hà Nội)

2. Subsidiaries:

- Công ty CP Dệt khăn - Dệt May Nam Định
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại - Dệt Nam Định
- Công ty TNHH MTV Chăn len - Dệt May Nam Định
- Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định

3. Associated and other companies:

- Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định
- Công ty CP May 1 - Dệt Nam Định
- Công ty CP May IV - Dệt Nam Định
- Công ty CP May 5 - Dệt May Nam Định
- Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (VNDC)
- Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam.